

THÔNG TIN TỔNG HỢP



<http://skhcn.lamdong.gov.vn>

Khoa học & Công nghệ

Số
07/2025



Sáng tạo và Đổi mới



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- 01** Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia
- 04** Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về đột phá về phát triển giáo dục và đào tạo
- 16** Chính phủ triển khai giải pháp thực hiện hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp
- 20** Kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm về hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến nông ở địa phương
- 22** Đột phá theo Nghị quyết 57: đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng số
- 26** Khát vọng vươn lên từ tư duy đổi mới sáng tạo
- 30** Kinh tế số mở ra cơ hội mới cho nông nghiệp, nông thôn Việt Nam
- 34** Làm thế nào để bảo vệ thương hiệu sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương tại Việt Nam
- 37** Lợi ích của việc đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam
- 40** Điểm mới của Luật Năng lượng nguyên tử năm 2025
- 46** Ứng phó sự cố bức xạ trong sử dụng thiết bị X-quang y tế, đời sống và công nghiệp
- 52** Việt Nam - Hoa Kỳ tăng cường hợp tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
- 54** Việt Nam thúc đẩy nghiên cứu bán dẫn và AI trong tiến trình chuyển đổi công nghệ
- 56** Bản quyền trong kỹ nguyên AI: Ai là tác giả?



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 36 Trần Phú, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
 Điện thoại: 0263 3821377
 Fax: 0236 3824941
 Email: skhcn@lamdong.gov.vn
 Website: <http://skhcn.lamdong.gov.vn>

THÔNG TIN TỔNG HỢP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ CHÍNH TRỊ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VỀ BẢO ĐẢM AN NINH NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA

Thái Ngô

Tổng Bí thư Tô Lâm vừa ký ban hành Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Nghị quyết nêu rõ: Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, ngành năng lượng đã duy trì tăng trưởng ổn định, cơ bản bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao cho phát triển nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước và nâng cao đời sống người dân.

Ngành năng lượng vẫn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém. Một số vấn đề nêu trong Nghị quyết 55 chưa được khắc phục triệt để, nhiều chỉ tiêu khó đạt. Thể chế, chính sách và công tác quản lý phát triển ngành còn bất cập; tiến độ nhiều dự án điện chậm; tiềm năng chưa được khai thác hiệu quả. Nguồn cung còn phụ thuộc nhập khẩu, nguy cơ thiếu điện trong giai đoạn tăng trưởng cao là hiện hữu. Hạ tầng năng lượng thiếu, chưa đồng bộ; lưới điện chưa kết nối hiệu quả với các nguồn điện; công nghệ chậm đổi mới,

nội địa hóa thiết bị quan trọng còn thấp. Chất lượng nhân lực, năng suất lao động còn hạn chế; thị trường năng lượng thiếu liên thông, nhất là thị trường điện còn nhiều bất cập. Chính sách giá chưa phù hợp cơ chế thị trường, còn tình trạng bù chèo giá điện.

Nguyên nhân chủ yếu gồm: Nhận thức chưa đầy đủ về vai trò ngành năng lượng; chính sách, pháp luật chậm hoàn thiện, thiếu cơ chế huy động nguồn lực và khuyến khích năng lượng sạch; quy hoạch thiếu linh hoạt, thực hiện thiếu đồng bộ; thủ tục hành chính rườm rà; chiến lược phát triển thiếu ổn định, chưa gắn với quy hoạch kinh tế - xã hội; công tác chỉ đạo, giám sát chưa hiệu quả; chưa tạo được đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong thời gian tới, nhất là thực hiện 2 mục tiêu chiến lược đến năm 2030 và năm 2045, công tác bảo đảm an ninh năng lượng có vai trò rất quan trọng, năng

lượng phải đi trước một bước, đáp ứng đầy đủ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống nhân dân.

Mục tiêu, tầm nhìn

Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp năng lượng đầy đủ, ổn định, chất lượng cao, giảm phát thải cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống người dân, bảo vệ môi trường sinh thái. Từng bước chuyển đổi năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và cam kết quốc tế. Ngành năng lượng phát triển hài hòa giữa các phân ngành với hạ tầng đồng bộ và thông minh, đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN. Thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Khai thác nhanh và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước kết hợp với xuất nhập khẩu năng lượng hợp lý; năng lượng được sử dụng tiết kiệm và hiệu quả hơn. Nhiều vật tư thiết bị chính trong các phân ngành năng lượng được sản xuất trong nước; lưới truyền tải, phân phối điện được xây dựng hiện đại, thông minh.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tổng cung năng lượng sơ cấp khoảng 150 - 170 triệu tấn dầu quy đổi; tổng công suất các nguồn điện

khoảng 183 - 236 GW hoặc có thể cao hơn tùy thuộc vào nhu cầu hệ thống và tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo thời kỳ; tổng sản lượng điện khoảng 560 - 624 tỉ KWh. Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp khoảng 25 - 30%.

- Tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng khoảng 120 - 130 triệu tấn dầu quy đổi.

- Hệ thống điện thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối an toàn với lưới điện khu vực; bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt quan trọng. Độ tin cậy cung cấp điện năng và chỉ số tiếp cận điện năng thuộc top 3 nước dẫn đầu ASEAN.

- Các cơ sở lọc dầu đáp ứng tối thiểu 70% nhu cầu xăng dầu trong nước; mức dự trữ xăng dầu đạt khoảng 90 ngày nhập ròng. Phát triển cơ sở đầy đủ năng lực nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) theo nhu cầu cấp cho các nguồn điện khí LNG và các nhu cầu khác; hình thành các trung tâm năng lượng tập trung khí LNG hài hòa các vùng miền.

- Tỷ lệ tiết kiệm năng lượng trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với kịch bản phát triển bình thường khoảng 8 - 10%.

- Giảm phát thải khí nhà kính từ hoạt động năng lượng so với kịch bản

phát triển bình thường khoảng 15 - 35%.

Tầm nhìn đến năm 2045

Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; thị trường năng lượng cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; ngành năng lượng phát triển đồng bộ, bền vững, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu; hệ thống hạ tầng năng lượng thông minh, hiện đại, kết nối hiệu quả với khu vực và quốc tế; chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học - công nghệ và năng lực quản trị ngành năng lượng đạt trình độ ngang với các nước công nghiệp phát triển hiện đại.

Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Nghị quyết đã đề ra 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong bảo đảm an ninh năng lượng.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách để trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển năng lượng.

3. Phát triển nguồn cung và hạ tầng năng lượng, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng.

4. Đẩy mạnh tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện linh hoạt cam kết quốc tế về giảm phát thải; thiết lập các biện pháp quản trị và ứng phó với rủi ro.

5. Tập trung huy động mọi nguồn lực xã hội, khuyến khích mạnh mẽ khu vực tư nhân tham gia phát triển năng lượng.

6. Tạo đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế, góp phần thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững ngành năng lượng và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.

Nguồn: <https://baochinhphu.vn/>

BỘ CHÍNH TRỊ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT VỀ ĐỘT PHÁ VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đức Huy

Thay mặt Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Tô Lâm đã ký ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

Trong quá trình phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi giáo dục và đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu. Nhiều chủ trương, chính sách lớn đã được ban hành, thúc đẩy giáo dục và đào tạo đổi mới, phát triển mạnh mẽ, đạt được những kết quả quan trọng. Việt Nam thuộc nhóm 21 quốc gia sớm đạt mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc đến năm 2030 về giáo dục chất lượng.

Tuy nhiên, giáo dục và đào tạo vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, chưa thực sự trở thành động lực then chốt cho sự phát triển bứt phá của đất nước. Cơ hội tiếp cận giáo dục còn thấp so với các nước phát triển; có sự chênh lệch lớn giữa các vùng miền, nhóm đối tượng. Đội ngũ nhà giáo, điều kiện cơ sở vật chất, trường lớp ở nhiều nơi không đáp ứng yêu cầu. Hệ thống giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp phát triển manh mún, lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học, nhất là ở một số ngành, lĩnh vực

trọng điểm. Hiện tượng tiêu cực, bệnh hình thức trong giáo dục còn phổ biến. Nội dung, chương trình giáo dục còn nhiều bất cập, giáo dục đạo đức, thể chất, thẩm mỹ chưa được quan tâm đúng mức và chưa thực sự hiệu quả. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế trên là do chưa nhận thức và thực hiện đầy đủ, quyết liệt quan điểm về giáo dục và đào tạo là "quốc sách hàng đầu", là "sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân"; tư duy về quản lý và phát triển giáo dục chậm đổi mới, quan niệm về tự chủ và xã hội hoá giáo dục chưa phù hợp; nguồn lực đầu tư cho giáo dục còn thấp, chính sách phân bổ và sử dụng nguồn lực chưa hiệu quả, cơ chế tài chính thiếu bền vững; chế độ, chính sách đối với nhà giáo còn bất cập; tâm lý trọng danh vị trong xã hội còn nặng nề, chính sách sử dụng cán bộ còn coi trọng bằng cấp hơn thực lực, những tiêu cực trong xã hội ảnh hưởng nhiều đến hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường.

Trong bối cảnh thế giới có những thay đổi sâu sắc, toàn diện, đặc biệt công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang

tái định hình nền giáo dục trên phạm vi toàn cầu, mỗi quốc gia đều phải xác định lại tầm nhìn và chiến lược mới cho hệ thống giáo dục trong tương lai. Đất nước ta đang đứng trước vận hội lịch sử để phát triển bứt phá, yêu cầu xây dựng con người, xây dựng nguồn nhân lực đặt ra rất quan trọng và cấp bách, đòi hỏi phải đột phá phát triển giáo dục và đào tạo góp phần xây dựng thể hệ con người Việt Nam mới có lòng yêu nước và tự hào dân tộc, đủ bản lĩnh, trí tuệ, năng lực, trình độ, sức khoẻ để đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn phát triển mới.

Từ tình hình trên, Bộ Chính trị yêu cầu tập trung quán triệt, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nội dung sau:

I- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Nhận thức sâu sắc, đầy đủ và thực hiện nhất quán quan điểm giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc. Phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Nhà nước giữ vai trò định hướng chiến lược, kiến tạo phát triển, bảo đảm nguồn lực và công bằng trong giáo dục; bảo đảm đủ trường, đủ lớp, đủ giáo viên đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Toàn xã hội có trách nhiệm chăm lo, tham gia đóng góp nguồn lực và giám sát phát triển giáo dục.

2. Phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc, xây dựng xã hội học tập,

khơi dậy mạnh mẽ các phong trào thi đua trong Nhân dân và trong toàn xã hội về học tập, tự học tập, học tập không ngừng, học tập suốt đời vì sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững của đất nước, vì tương lai của dân tộc.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, đào tạo. Người học là trung tâm, là chủ thể của quá trình giáo dục và đào tạo; nhà trường là nền tảng, nhà giáo là động lực, quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo. Thực hiện phương châm "thầy ra thầy, trò ra trò" trên các mặt đạo đức, nhân cách, tri thức; kiên quyết chấn chỉnh tiêu cực trong giáo dục, coi trọng danh dự người thầy, tôn vinh người thầy trong xã hội.

Giáo dục bảo đảm hài hoà giữa tính toàn dân và tinh hoa, toàn diện và chuyên sâu, dân tộc và toàn cầu. Phát triển giáo dục trên nền tảng văn hoá, giá trị truyền thống dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại, chuẩn mực quốc tế; giáo dục, đào tạo công dân Việt Nam trở thành công dân toàn cầu.

4. Giáo dục, đào tạo phải bảo đảm "học đi đôi với hành", "lý thuyết gắn liền với thực tiễn", "nhà trường gắn liền với xã hội". Giáo dục mầm non, phổ thông là nền tảng hình thành nhân cách, phát triển phẩm chất và năng lực người học. Giáo dục nghề nghiệp giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng lao động kỹ năng cao. Giáo dục đại học là nòng cốt phát triển nhân

lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo phải bắt đầu từ đổi mới tư duy, nhận thức và thể chế. Tạo đột phá về nguồn lực, động lực và không gian mới cho phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng; bảo đảm Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, lấy đầu tư công dẫn dắt, thu hút nguồn lực xã hội cho hiện đại hoá toàn diện hệ thống giáo dục quốc dân.

6. Giáo dục công lập là trụ cột, giáo dục ngoài công lập là thành phần quan trọng cấu thành hệ thống giáo dục quốc dân; xây dựng nền giáo dục mở, liên thông, bảo đảm cơ hội học tập công bằng, bình đẳng cho mọi người, đáp ứng nhu cầu xã hội, thúc đẩy học tập suốt đời.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Mở rộng tiếp cận công bằng, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á. Xây dựng mạng lưới trường lớp cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh thuộc mọi đối tượng, vùng miền; có ít nhất 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương, không có

trình, thành phố đạt dưới 60%. Đạt kết quả bước đầu về nâng cao năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo và năng lực tiếng Anh ở bậc phổ thông. Chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,8, trong đó chỉ số bất bình đẳng giáo dục giảm xuống dưới 10%.

- Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp được sắp xếp phù hợp và đầu tư nâng cấp; phần đầu 100% cơ sở giáo dục đại học và ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia, 20% cơ sở được đầu tư hiện đại tương đương các nước phát triển ở châu Á. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%. Tỷ lệ người lao động có trình độ cao đẳng, đại học trở lên đạt 24%. Tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ đạt ít nhất 35%, trong đó có ít nhất 6.000 nghiên cứu sinh, 20.000 người học các chương trình tài năng. Chỉ số vốn con người và nghiên cứu đóng góp vào chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) ngang bằng các nước có thu nhập trung bình cao.

- Nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng. Mạng lưới cơ sở giáo dục đại

học đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của các vùng và địa phương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu các ngành, lĩnh vực trọng điểm; tuyển dụng ít nhất 2.000 giảng viên giỏi từ nước ngoài. Tăng bình quân 12%/năm đối với số công bố khoa học quốc tế, nguồn thu từ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; 16%/năm đối với số đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế. Phân đầu ít nhất 8 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 200 đại học hàng đầu châu Á, ít nhất 1 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín.

2. Mục tiêu đến năm 2035

Hệ thống giáo dục và đào tạo tiếp tục được hiện đại hoá, có bước tiến mạnh, vững chắc về tiếp cận, công bằng và chất lượng. Hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương; chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số HDI đạt trên 0,85; chỉ số vốn con người và nghiên cứu đóng góp vào chỉ số GII đạt trên mức bình quân của các nước có thu nhập trung bình cao. Phân đầu ít nhất 2 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Việt Nam có hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng và chất lượng, đứng vào nhóm 20 quốc gia

hàng đầu thế giới. Mọi người dân có cơ hội học tập suốt đời, nâng cao trình độ, kỹ năng và phát triển tối đa tiềm năng cá nhân. Nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài khoa học, công nghệ trở thành động lực và lợi thế cạnh tranh cốt lõi của đất nước, góp phần đưa Việt Nam thành nước phát triển, có thu nhập cao. Phân đầu ít nhất 5 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới trong một số lĩnh vực theo các bảng xếp hạng quốc tế uy tín.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội các quan điểm, chủ trương của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và vai trò, trách nhiệm của tất cả các ban, bộ, ngành Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, các cấp uỷ, chính quyền địa phương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và toàn dân đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt. Đặt phát triển giáo dục và đào tạo trong tư duy quản trị quốc gia, quản trị xã hội bảo đảm định

hướng, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; đưa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục và đào tạo thành một trọng tâm trong chiến lược, quy hoạch, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển trên các lĩnh vực và ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của tổ chức đảng, nhất là vai trò người đứng đầu cấp uỷ trong các cơ sở giáo dục. Không tổ chức hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục công lập (trừ các trường công lập có thoả thuận quốc tế). Thực hiện bí thư cấp uỷ kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục.

2. Đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho phát triển giáo dục và đào tạo

- Tập trung hoàn thiện các quy định pháp luật để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi pháp luật; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiến tạo phát triển giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả; giảm đầu mối cơ quan quản lý đối với các cơ sở giáo dục, bảo đảm nguyên tắc gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và tài chính, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phù

hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

- Có chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội cho đội ngũ nhà giáo; nâng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông lên tối thiểu 70% cho giáo viên, tối thiểu 30% cho nhân viên, 100% cho giáo viên ở khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng chính sách phù hợp để huy động được người giỏi ngoài lực lượng nhà giáo tham gia giảng dạy, huấn luyện trong các cơ sở giáo dục; thực hiện chế độ giảng viên đồng cơ hữu cho những người giỏi đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập; có cơ chế khuyến khích huy động người giỏi chủ trì các hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục.

- Bảo đảm quyền tự chủ đầy đủ, toàn diện cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phụ thuộc vào mức độ tự chủ tài chính. Hoàn thiện các quy định về biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm đối với giáo sư, phó giáo sư và các chức danh giảng viên khác phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn Việt Nam, trên cơ sở đó giao các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tự quyết định và thực hiện phù hợp với điều kiện của nhà trường, quyết định tuyển dụng, thuê giảng viên, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo,

quản lý đối với người giỏi từ nước ngoài.

- Đổi mới căn bản cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư cho giáo dục, đào tạo. Phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp dựa trên sứ mạng, chất lượng và hiệu quả theo cơ chế thống nhất trong toàn ngành; ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm theo kết quả đầu ra.

- Chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước, trong đó phân bổ chi đầu tư đạt ít nhất 5% tổng chi ngân sách nhà nước và chi cho giáo dục đại học đạt ít nhất 3% tổng chi ngân sách nhà nước. Thống nhất chủ trương xây dựng và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia mới về hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2035; ưu tiên đầu tư cho giáo dục đại học.

- Mở rộng các chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng ưu đãi cho người học, không để học sinh, sinh viên nào bỏ học vì điều kiện tài chính. Xây dựng và triển khai Đề án đào tạo tài năng, ưu tiên các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ. Thành lập Quỹ học bổng quốc gia và phát huy hiệu quả các quỹ khuyến tài, khuyến học khác từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác để khuyến khích

học tập và phát triển sự nghiệp giáo dục.

- Nâng chuẩn cơ sở giáo dục ở tất cả cấp học, quy định diện tích tối thiểu, quy chuẩn, tiêu chuẩn từng bước tiệm cận khu vực, quốc tế. Ưu tiên dành quỹ đất sạch, cho phép chuyển đổi linh hoạt mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục; tập trung giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho các dự án giáo dục, đào tạo. Không thu tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất, tiền thuế đất đối với các cơ sở giáo dục trong nước. Không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận. Ưu tiên dành trụ sở cơ quan nhà nước dời dư sau sắp xếp cho các cơ sở giáo dục; cho phép áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thục.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; đẩy mạnh hợp tác công tư; mở rộng hợp tác, liên kết giữa các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước; ưu tiên vốn tín dụng cho các dự án phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng khung khổ pháp lý để hình thành quỹ tài trợ cho các cơ sở giáo dục huy động vốn cộng đồng.

3. Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới

- Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm yêu cầu giáo dục đạo đức, nhân cách và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam trong mọi lĩnh vực đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Phân định rõ vai trò, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách và hệ giá trị chuẩn mực con người Việt Nam; đề cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương.

- Xây dựng và cụ thể hoá hệ giá trị con người Việt Nam trong thời đại mới, tích hợp xuyên suốt trong chương trình giáo dục ở tất cả cấp học. Kiên trì xây dựng văn hoá học đường, văn hoá chất lượng, thực học, thực nghiệp gắn với trách nhiệm nêu gương của đội ngũ nhà giáo; chú trọng bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo. Đổi mới nội dung, phương thức giảng dạy, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đạo đức, lý tưởng, trách nhiệm xã hội, lối sống văn hoá, truyền thống lịch sử, chính trị, tư tưởng, pháp luật, kinh tế, tài chính, quốc phòng và an ninh. Thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực từ cơ chế thị trường, truyền thông, mạng xã hội. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới chấm dứt bạo lực học đường, ma tuý học đường, Ban hành quy định của pháp luật để nâng cao

đinh dưỡng học đường và thể chất người Việt Nam.

4. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo

- Xây dựng chiến lược dữ liệu phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển nền tảng giáo dục quốc gia ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát; bố trí đủ nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ để đẩy nhanh chuyển đổi số, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học trên phạm vi cả nước.

- Xây dựng các nền tảng giáo dục thông minh, sách giáo khoa, giáo trình thông minh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy ứng dụng các mô hình giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh.

- Phát triển hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia, kết nối liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm và tích hợp thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục.

- Nâng cao chuẩn năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học và đội ngũ nhà giáo ở tất cả các cấp học, đưa vào chương trình giáo dục gắn với

thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, trải nghiệm. Có chính sách khuyến khích, huy động các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo giáo viên, người học về năng lực số, trí tuệ nhân tạo.

5. Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông

- Chăm lo giáo dục trẻ em ngay từ giai đoạn đầu đời, chuẩn bị đủ điều kiện thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, bảo đảm số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên; bố trí đủ số lượng biên chế giáo viên, nhân viên theo tiêu chuẩn quy định; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút học sinh giỏi theo học ngành sư phạm; xây dựng nhà công vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên ở xa tới công tác.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng kiên cố hoá, hiện đại hoá trường, lớp học; bảo đảm đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị đạt chuẩn, đặc biệt chú trọng đầu tư các phòng học thực hành, trải nghiệm STEM/STEAM, không gian vui chơi, môi trường rèn luyện thể chất. Hoàn thành xây dựng mạng lưới trường phổ thông nội trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó

khăn và biên giới trước năm 2030; mở rộng hệ thống đào tạo dự bị đại học cho học sinh người dân tộc thiểu số, miền núi. Bảo đảm mỗi tỉnh, thành phố có ít nhất một cơ sở giáo dục chuyên biệt tới cấp trung học phổ thông.

- Chú trọng giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, thể chất, thẩm mỹ, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm; tăng thời lượng các môn khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật; nghiên cứu đưa kiến thức về năng lực số, trí tuệ nhân tạo vào chương trình giáo dục phổ thông. Rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; bảo đảm cung cấp một bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc, phần đầu tới năm 2030 cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho tất cả học sinh. Chuyển mạnh sang phương pháp giáo dục hiện đại, tích cực, tăng cường tự học, trải nghiệm sáng tạo, hướng học sinh phát huy tư duy độc lập, năng lực giải quyết vấn đề; tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, bảo đảm đánh giá trung thực kết quả học tập và giảng dạy; thực hiện đồng bộ các giải pháp để khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan.

- Đổi mới mô hình trường chuyên, trường năng khiếu để tập trung ươm tạo nhân tài quốc gia, mở rộng các lớp chuyên khối STEM/STEAM. Tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường

học và dạy ngôn ngữ của các nước láng giềng. Nâng chuẩn tiếng Anh cho giáo viên và học sinh các cấp học; bảo đảm đủ số lượng, trình độ đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và công nghệ, ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo trong dạy và học tiếng Anh; tăng cường giảng dạy các môn học bằng tiếng Anh tại các nơi có điều kiện.

6. Cải cách, hiện đại hoá giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao

- Tập trung phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; lựa chọn đầu tư nâng cấp các cơ sở hoạt động hiệu quả, ưu tiên đầu tư hiện đại cho một số trường cao đẳng chất lượng cao đạt chuẩn quốc tế. Phân cấp mạnh quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chính quyền địa phương.

- Cải cách mô hình giáo dục nghề nghiệp, bổ sung cấp trung học nghề tương đương cấp trung học phổ thông; đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương thức đào tạo, ứng dụng công nghệ, quản trị chất lượng, bảo đảm hiệu quả, thực chất theo các tiêu chuẩn quốc tế. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết nhà trường - doanh nghiệp, tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu của thị trường, nhất là đào tạo kỹ năng nghề trong các lĩnh vực công nghệ cao. Đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên, giảng viên

giáo dục nghề nghiệp từ ngân sách nhà nước.

- Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước cho đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo nghề chất lượng cao cho đồng bào người dân tộc thiểu số ở các ngành nghề phù hợp.

- Có chính sách thu hút chuyên gia, người lao động tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn kỹ năng nghề. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Có cơ chế thành lập quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động.

7. Hiện đại hoá, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo

- Khẩn trương xây dựng khung chiến lược phát triển giáo dục đại học. Triển khai sắp xếp, tái cấu trúc các cơ sở giáo dục đại học; sáp nhập, giải thể các cơ sở giáo dục đại học không đạt chuẩn; xoá bỏ cấp trung gian, bảo đảm quản trị tinh gọn, thống nhất, hiệu quả; nghiên cứu sáp nhập các viện nghiên cứu với các cơ sở giáo dục đại học; tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học, nghiên

cứu chuyển một số trường đại học về địa phương quản lý để nâng cao hiệu quả quản lý và đáp ứng tốt hơn yêu cầu đào tạo nhân lực của địa phương.

- Đầu tư hiện đại hoá hạ tầng kỹ thuật, mở rộng không gian phát triển cho các cơ sở giáo dục đại học hoạt động hiệu quả. Tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, xây dựng trung tâm đào tạo, nghiên cứu xuất sắc tại các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, cơ sở đào tạo giáo viên. Đầu tư mạnh và có các cơ chế đặc thù, vượt trội để phát triển 3 đến 5 đại học tinh hoa theo mô hình đại học nghiên cứu đẳng cấp quốc tế, đào tạo nhân tài quốc gia. Ưu tiên bố trí kinh phí nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu cơ bản gắn với đào tạo sau đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.

- Khuyến khích quy hoạch, xây dựng các khu đô thị công nghệ cao - đại học; thúc đẩy mạnh mẽ phát triển các cơ sở giáo dục đại học theo mô hình đại học đổi mới sáng tạo, đại học công nghệ thế hệ mới, trở thành đầu tàu, nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của các vùng; hỗ trợ triển khai hiệu quả hợp tác Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp. Có cơ chế hỗ trợ hiệu quả đối với giảng viên và người học triển khai các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thành lập công ty khởi nguồn, công ty khởi nghiệp.

- Mở rộng các chương trình, đề án đào tạo, phát triển đội ngũ giảng viên,

tăng chế độ hỗ trợ cho giảng viên đi học nâng cao trình độ trong và ngoài nước. Xây dựng chương trình thu hút giảng viên xuất sắc từ nước ngoài với các ưu đãi vượt trội.

- Đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế; tích hợp nội dung về phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, tinh thần doanh nhân và khởi nghiệp. Hỗ trợ mở rộng triển khai các chương trình đào tạo tài năng, đào tạo sau đại học gắn kết với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược, công nghệ ưu tiên của công nghiệp 4.0, các ngành phục vụ các dự án trọng điểm quốc gia. Gắn kết các hoạt động đào tạo với nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia.

- Xây dựng Đề án đổi mới tuyển sinh đại học theo hướng đánh giá đúng năng lực người học, bảo đảm kiểm soát thống nhất chuẩn đầu vào của các ngành đào tạo, cơ sở đào tạo và kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu ra. Tăng cường quản lý chất lượng gắn với chính sách hỗ trợ phù hợp đối với đào tạo tiến sĩ, đào tạo các ngành sư phạm, sức khỏe, pháp luật và các ngành trọng điểm; quy định chặt chẽ việc học tiến sĩ đối với cán bộ, công chức.

8. Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo

- Mở rộng, đa dạng hoá và làm sâu sắc hơn các cơ chế hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong hệ thống giáo dục quốc dân phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam. Thúc đẩy đàm phán, ký kết các thoả thuận, hiệp định về hợp tác giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ; tham gia các tổ chức bảo đảm chất lượng, phát triển giáo dục quốc tế. Cấp học bổng hoặc có chính sách khuyến khích, hỗ trợ học sinh, sinh viên, giảng viên đi học tập, nghiên cứu, thỉnh giảng ở các nước phát triển, các nước có quan hệ truyền thống, có thế mạnh trong các lĩnh vực, ngành trọng điểm, tận dụng các chương trình hợp tác song phương.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ hiệu quả các cơ sở giáo dục đại học hợp tác, liên kết với các đại học có uy tín, doanh nghiệp lớn ở nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực trọng điểm, công nghệ mới nổi; khuyến khích hợp tác, liên kết đào tạo theo mô hình giáo dục số, xuyên biên giới. Đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; thúc đẩy hợp tác, liên kết thành lập đơn vị đào tạo, viện nghiên cứu chung với cơ sở giáo dục Việt Nam. Tăng cường quản lý chất lượng, bảo đảm an ninh văn hoá, thúc đẩy giáo dục ngôn ngữ, lịch sử, văn hoá, địa lý và con người Việt Nam trong các cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục có yếu tố nước ngoài. Khuyến

khích, hỗ trợ các cơ sở giáo dục Việt Nam thành lập phân hiệu, mở văn phòng đại diện hoặc triển khai chương trình giáo dục ở nước ngoài; đẩy mạnh hợp tác, mở rộng giảng dạy tiếng Việt, lan toả các giá trị văn hoá, truyền thống Việt Nam tại nước ngoài, nhất là trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng uỷ Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo; phối hợp chặt chẽ với Đảng uỷ Chính phủ thể chế hoá thành Nghị quyết đặc thù về một số chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết này và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện ngay từ năm 2025; tăng cường giám sát thực hiện theo quy định.

2. Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết và khẩn trương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đưa vào triển khai ngay từ năm 2026; chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Quốc hội chủ động, kịp thời xem xét, quyết định các cơ chế, chính sách, giải pháp chưa được nêu cụ thể tại phần III trên đây để thực hiện hiệu quả các quan điểm, mục tiêu của Nghị quyết này; lựa chọn và triển khai có hiệu quả một số nội dung ngay từ năm học 2025 - 2026.

3. Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, chính sách về đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức quán triệt và tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết.

5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết, bảo đảm đầy

đủ nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo, tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết tại địa phương.

6. Đảng uỷ Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết báo cáo Bộ Chính trị để chỉ đạo.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

Nguồn: <https://baochinhphu.vn/> •



Ảnh minh họa: Đảng và Nhà nước ta luôn coi giáo dục và đào tạo, cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu

CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Vân Nhi

Ngày 3/10, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 303/NQ-CP về giải pháp thực hiện hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp theo Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư



Người dân đến làm thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Ảnh nguồn Internet)

Ngày 3/10, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 303/NQ-CP về giải pháp thực hiện hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp theo Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nghị quyết nêu rõ, Chính phủ thống nhất đánh giá: Sau 3 tháng triển khai vận hành chính quyền địa phương 2 cấp đã cơ bản đáp ứng các mục tiêu đề ra và đạt được kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn.

Ghi nhận và đánh giá cao các bộ, ngành, địa phương đã nỗ lực, tích cực trong việc triển khai các nhiệm vụ để phục vụ hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp.

Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề cần phải nhận diện đầy đủ, cụ thể và có các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương; tinh thần là không cầu toàn, không nóng vội nhất là trong điều kiện chuyển từ tư duy quản lý sang kiến tạo phát triển, phục vụ Nhân dân đòi hỏi phải có thời gian,

nhưng việc triển khai cần quyết liệt và hiệu quả, kết quả đạt được phải cụ thể, chuyên biến tích cực, rõ nét sau từng tuần, tháng, quý, năm.

Các bộ, cơ quan ngang bộ nâng cao trách nhiệm tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc của địa phương, tạo điều kiện tối đa cho chính quyền địa phương hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và phải tăng cường kiểm tra, giám sát trực tiếp tại các địa phương.

Chậm nhất trước ngày 10/10 hoàn thành việc chi trả chế độ, chính sách cho đối tượng nghỉ việc, nghỉ hưu trước tuổi

Để tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã giao, bảo đảm tổ chức bộ máy của địa phương hoạt động hiệu quả, phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; đồng thời, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ, Chính phủ yêu cầu tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Các bộ, cơ quan ngang bộ căn cứ Kết luận số 195-KL/TW ngày 26/9/2025 và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, rà soát các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý được giao tập trung triển khai ngay các công việc đang thực hiện nhưng chưa hoàn thành, các công việc chưa thực hiện để khắc phục ngay tình trạng tồn đọng, bỏ sót nhiệm vụ, tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền những nhiệm vụ, công việc đã hoàn thành.

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan khẩn trương rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật để ban hành, sửa đổi, bổ sung ngay, bảo đảm khắc phục tình trạng mâu thuẫn, chòng chéo, chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, nhất là trong các lĩnh vực: tài chính, khoa học công nghệ, nội vụ, tư pháp, nông nghiệp và môi trường, xây dựng, giáo dục và đào tạo, đặc biệt là hạ tầng số và nâng cao năng lực cán bộ, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ.

Trên cơ sở kết quả rà soát của các địa phương về tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, giao các bộ, cơ quan ngang bộ kịp thời sửa đổi, bổ sung bảo đảm thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện và vận hành chính quyền địa phương 2 cấp. Các đồng chí Bộ trưởng cần trực tiếp chỉ đạo kiểm tra, giám sát, nắm tình hình và tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Hoàn thành việc chi trả chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP chậm nhất trước ngày 10/10/2025; bảo đảm nguồn lực tài chính, nhân lực và cơ sở vật chất cho việc sắp xếp bộ máy, chi trả chế độ, chính sách cho đối tượng nghỉ việc, nghỉ hưu trước tuổi theo đúng quy định; báo cáo kết quả chi trả chế độ, chính sách về Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (qua Bộ Nội vụ và Bộ

Tài chính) chậm nhất trước ngày 10/10/2025 để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền. Nếu có vướng mắc về pháp lý, chính sách thì báo cáo ngay cho Chính phủ (qua Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính) trước ngày 5/10/2025.

Cho nghỉ theo chế độ những cán bộ, công chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, làm cơ sở cho việc tuyển dụng cán bộ, công chức cấp xã

Bộ Nội vụ trực tiếp đôn đốc kiểm tra các địa phương trong việc thực hiện tăng cường cán bộ, công chức cấp tỉnh về cấp xã; chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổng rà soát, đánh giá, phân loại gắn với cơ cấu lại đội ngũ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã sau sắp xếp để cho nghỉ theo chế độ những cán bộ, công chức không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã, giải quyết tình trạng nơi thừa, nơi thiếu, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; tổng hợp, xem xét kết quả thực hiện trước ngày 15/10/2025; xây dựng Đề cương báo cáo hướng dẫn để các bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo định kỳ và gửi Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ vào 15 giờ Thứ hai hàng tuần để Bộ Nội vụ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước 15 giờ Thứ ba hàng tuần; phối hợp với Bộ Tài chính đôn đốc các bộ, ban, ngành, địa phương hoàn thành việc chi trả chế độ,

chính sách theo Nghị định sửa đổi Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP trước ngày 10/10/2025.

Thực hiện ngay việc bố trí kế toán trưởng của các cơ quan, tổ chức

Bộ Tài chính khẩn trương hướng dẫn địa phương thực hiện ngay việc bố trí kế toán trưởng của các cơ quan, tổ chức, không để kéo dài tình trạng thiếu kế toán trưởng; đăng ký mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước của cơ quan, đơn vị để thực hiện chi trả lương, chi thực hiện nhiệm vụ, giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ, hoàn thành trước ngày 10/10/2025; kiểm tra, hướng dẫn việc sắp xếp trụ sở làm việc, tài sản công, tránh thất thoát, lãng phí, báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền các giải pháp để xử lý tài sản công hiệu quả; trang bị xe ô tô cho các xã, phường, đặc khu còn thiếu (điều chuyển hoặc mua mới theo quy định); hoàn thành các phương án sắp xếp theo thẩm quyền trước ngày 30/10/2025, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Chính phủ (qua Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ) trước ngày 30/10/2025.

Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ xây dựng dự thảo Quyết định thành lập Tổ công tác do Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ theo lĩnh

vực phụ trách và Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đứng đầu để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ về đầu tư công và việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 5/10/2025.

Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ theo dõi, đôn đốc các bộ, ngành trong công tác hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính; khắc phục tình trạng thiếu thống nhất về thông tin báo cáo, thực hiện báo cáo theo thời gian thực về tình hình hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp; hoàn thành trước ngày 5/10/2025.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương quản lý hoạt động xây dựng

Bộ Xây dựng rà soát, sửa đổi các quy định quy phạm pháp luật theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương quản lý hoạt động xây dựng, thực hiện cấp phép xây dựng; tăng cường công tác xây dựng thể chế, chính sách, ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật trong ngành, lĩnh vực.

Văn phòng Chính phủ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Công điện về kiểm soát chặt chẽ việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính, tạo điều kiện thuận lợi, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, hoàn thành trước ngày 5/10/2025.

Nguồn: <https://chinhphu.vn/>

KẾT LUẬN CỦA TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM VỀ HỆ THỐNG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHUYẾN NÔNG Ở ĐỊA PHƯƠNG

Ngọc Linh

Văn phòng Trung ương Đảng vừa có Thông báo số 371-TB/VPTW thông báo Kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Bộ Nội vụ về hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến nông ở địa phương khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.



Hình ảnh tại buổi làm việc

Theo đó, ngày 03/10/2025, tại Trụ sở Trung ương Đảng, đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trì buổi làm việc với Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến nông ở địa phương khi vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Tham dự buổi làm việc có các

đồng chí lãnh đạo đại diện các cơ quan: Ban Tổ chức Trung ương, Ban Chính sách, chiến lược Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng; các đồng chí Trợ lý, Thư ký đồng chí Tổng Bí thư.

Sau khi nghe báo cáo của Bộ Nội vụ và ý kiến phát biểu của các đại biểu, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm kết luận như sau:

1. Cần quán triệt và nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp và nhiệm vụ phát triển nông nghiệp trong phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống của Nhân dân theo đúng tinh thần "nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế"; xác định công tác khuyến nông là nhiệm vụ quan trọng của chính quyền cấp xã, khuyến nông phải gắn với cơ sở, gắn với dòng ruộng.

2. Về mô hình tổ chức: (1) Cấp tỉnh, thành phố duy trì các Trung tâm khuyến nông, chủ yếu làm nhiệm vụ hướng dẫn, điều phối, đôn đốc, kiểm tra và hỗ trợ cấp xã thực hiện công tác khuyến nông. Không tổ chức các Trạm khuyến nông khu vực, liên xã. (2) Cấp xã thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện dịch vụ công cơ bản thiết yếu đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó có chức năng, nhiệm vụ khuyến nông; cấp uỷ, chính quyền cấp xã phải quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác khuyến nông, không "khoán trắng" cho đơn vị sự nghiệp công lập. (3) Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả

hoạt động của các Tổ khuyến nông cộng đồng, tăng cường truyền truyền phổ biến kiến thức, kinh nghiệm sản xuất, hỗ trợ, hướng dẫn nông dân liên kết phát triển sản xuất nông nghiệp. (4) Trên cơ sở cán bộ khuyến nông tại cấp tỉnh và các trạm khuyến nông khu vực, liên xã sẽ phân công về các xã, phối hợp với các cán bộ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ở các xã hiện có, bảo đảm ít nhất mỗi xã có 5 - 6 cán bộ khuyến nông, không tăng tổng số biên chế cán bộ khuyến nông.

3. Giao Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo Đảng uỷ Bộ Nội vụ phối hợp với Đảng uỷ Bộ Nông nghiệp và Môi trường khẩn trương ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện theo định hướng trên, hoàn thành trước ngày 15/10/2025; các địa phương sắp xếp thành lập đơn vị sự nghiệp cấp xã xong trước ngày 30/10/2025.

Nguồn: <https://dangcongsan.vn/>

ĐỘT PHÁ THEO NGHỊ QUYẾT 57: ĐẦU TƯ MẠNH MẼ CHO HẠ TẦNG SỐ

Trần Huy Văn

Nghị quyết số 57 về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số được các ngành, các cấp, địa phương tích cực triển khai và đã đạt được nhiều kết quả nổi bật

Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã xác định khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số là lĩnh vực quan trọng để Việt Nam hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược.

Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo phải là động lực chính trong phát triển kinh tế, là động lực tất yếu để Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển bền vững.

Cụ thể hóa những nội dung trên, Nghị quyết số 57 được các ngành, các cấp, địa phương tích cực triển khai và đã đạt được nhiều kết quả nổi bật.



Ảnh minh họa

Xây dựng hạ tầng số hiện đại

Tỉnh Phú Thọ xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, triển khai đồng bộ nhiều giải pháp thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57/NQ-TW, trọng tâm là nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, đồng thời huy động sự tham gia tích cực của toàn xã hội. Phú Thọ đầu tư mạnh mẽ cho hạ tầng số.

Đến nay, toàn tỉnh có hơn 10.200 trạm BTS phủ sóng 3G, 4G đạt 100%, phát sóng thương mại 170 trạm 5G. Trung tâm dữ liệu tỉnh được trang bị hiện đại, bảo mật cao, đảm bảo an toàn thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước.

Toàn bộ cơ quan từ cấp tỉnh đến xã có máy tính, mạng LAN, internet băng thông rộng. Tỉnh cũng ban hành nhiều cơ chế, chính sách về giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút nhân tài trong và ngoài nước... Tính từ sau ngày sáp nhập, toàn bộ cơ quan đơn vị thực hiện gửi nhận văn bản điện tử có ký số.

Nhiều ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh triển khai hiệu quả ứng dụng công nghệ số như Công an tỉnh cấp hơn 2,5 triệu tài khoản định danh điện tử mức 2; ngành Tư pháp hoàn thành số hóa sổ hộ tịch; ngành Y tế triển khai bệnh án điện tử, ứng dụng AI trong chẩn đoán đột quỵ; ngành Giáo dục hình thành hệ sinh thái giáo dục thông minh; ngành Nông nghiệp xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, áp dụng mã QR trong kiểm dịch; ngành Du lịch phát triển công du lịch thông minh Myphutho.vn; ngành Thuế triển khai Etax Mobile và hóa đơn điện tử; ngành Nội vụ chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

Tại tỉnh An Giang, đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến phát triển đô thị thông minh, chính quyền số là hoạt động thiết thực nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng mô hình chính quyền tinh gọn, hiện đại vì lợi ích của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

Cùng với nỗ lực của chính quyền, các doanh nghiệp ở tỉnh đã chủ động tiếp cận với các nền tảng số, dịch vụ số để từng bước tiến hành chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Toàn bộ doanh nghiệp nộp thuế điện tử và sử dụng hóa đơn điện tử; tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương

thanh toán lương, các khoản phí thông qua thẻ ngân hàng.

Tỉnh An Giang phối hợp với các doanh nghiệp cấp hơn 94.447 chữ ký số, đạt tỷ lệ 5% dân số trong độ tuổi lao động toàn tỉnh. Toàn tỉnh được phủ sóng điện thoại di động 3G, 4G.

Các khóm, ấp, khu phố được kết nối với đường internet cáp quang tốc độ cao, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng nền tảng số, ứng dụng số do cơ quan nhà nước cung cấp.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh được mở rộng đến 102 xã, phường, đặc khu, đảm bảo hoạt động thông suốt, ổn định, phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh niêm yết công khai 2.175 thủ tục hành chính, đồng thời thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính; 100% hồ sơ của người dân, doanh nghiệp được tiếp nhận, giải quyết công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tây Ninh định hướng khoa học và công nghệ phát triển theo hướng hiện đại, gắn với thực tiễn, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số vào sản xuất kinh doanh và quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo.

Tỉnh phát triển đổi mới sáng tạo theo hướng đồng bộ, hiệu quả với

doanh nghiệp làm trung tâm, đảm bảo hợp tác liên ngành giữa viện-trường-doanh nghiệp-nhà đầu tư; tăng tốc chuyển đổi số trên cả ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Đặc biệt, Tây Ninh phấn đấu đến năm 2026, khởi công xây dựng một khu công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp công nghệ số và trung tâm đổi mới sáng tạo. Khu công nghiệp này sẽ ưu tiên thu hút các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn và công nghệ số tiên tiến.

Hợp tác quốc tế phát triển khoa học công nghệ, chuyển đổi số giai đoạn mới

Tăng cường hợp tác quốc tế là nhân tố quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng với thế giới, nhanh chóng nắm bắt và ứng dụng những tiến bộ công nghệ tiên tiến.

Trong khuôn khổ Ngày hội Đổi mới sáng tạo Quốc gia 2025, Cục Đổi mới sáng tạo (Bộ Khoa học và Công nghệ) cùng Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ) đã trao đổi Thỏa thuận triển khai Dự án “Năng lượng sạch, chi phí hợp lý và an ninh năng lượng cho các quốc gia Đông Nam Á thực hiện tại Việt Nam” (viết tắt là CASE).

Dự án CASE hướng tới hỗ trợ Việt Nam trong quá trình chuyển dịch năng

lượng nhằm xây dựng hệ thống năng lượng bền vững, đáng tin cậy với chi phí hợp lý, đồng thời góp phần hiện thực hóa các cam kết của Việt Nam trong Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

Trọng tâm của dự án là xây dựng cơ sở khoa học - thực tiễn để thúc đẩy chuyển giao, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực năng lượng; đánh giá năng lực công nghệ của doanh nghiệp, viện, trường; tăng cường kết nối giữa khối nghiên cứu và doanh nghiệp trong tiếp nhận, ứng dụng công nghệ từ nước ngoài và dự báo nhu cầu nhân lực trong quá trình chuyển dịch năng lượng tại Việt Nam.

Ông Nguyễn Mai Dương, Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo khẳng định Dự án CASE Việt Nam sẽ góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu trong lĩnh vực năng lượng sạch.

Về phía dự án, bà Vũ Chi Mai, Giám đốc Dự án CASE Việt Nam chia sẻ trong giai đoạn triển khai tại Việt Nam, CASE sẽ tập trung vào việc kết nối các đơn vị trong nước với các tổ chức quốc tế trong nghiên cứu và phát triển công nghệ, nghiên cứu về chỉ số đổi mới sáng tạo trong ngành năng lượng tái tạo, đánh giá khả năng về nguồn lực tài chính và hạ tầng của các công ty tại Việt Nam trong cung cấp thiết bị và dịch vụ năng lượng tái tạo.

Dự án được kỳ vọng góp phần đẩy mạnh hệ sinh thái đổi mới sáng tạo năng lượng và thực hiện chuyển dịch năng lượng công bằng, hiệu quả. Tại Khóa họp song phương lần thứ tư diễn ra mới đây giữa Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST), Bộ Công nghệ và Truyền thông Lào (MTC), hai bên đã ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Viện Các Khoa học Trái đất (Việt Nam) và Viện Nghiên cứu Ứng dụng công nghệ thông minh (Lào).

Sự kiện đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc hiện thực hóa các mục tiêu hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa Việt Nam và Lào trong kỷ nguyên số.

Thời gian qua, hợp tác giữa hai bên đạt nhiều kết quả nổi bật. Phòng thí nghiệm chung về dữ liệu và truyền thông thiên tai tiếp tục vận hành hiệu quả, kịp thời ghi nhận, phân tích các sự kiện địa chấn lớn, góp phần nâng cao năng lực cảnh báo sớm cho Lào.

Trong lĩnh vực đào tạo, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (USTH), Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông Lào (IICT) đã phối hợp xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với chương trình học bổng thạc sỹ - tiến sỹ, chương trình trao đổi 2+2, đồng thời chuẩn bị đội ngũ giảng viên Lào phục vụ cho các ngành mới mở.

Nguồn: <https://dx.moj.gov.vn/> •

KHÁT VỌNG VƯƠN LÊN TỪ TƯ DUY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Vân Nhi

Lần đầu tiên Ngày hội ĐMST (ĐMST) quốc gia được tổ chức với sự đồng hành của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) và Bộ Tài chính. Sự phối hợp này thể hiện quyết tâm chung tay thúc đẩy hệ sinh thái đổi ĐMST, khẳng định nỗ lực phát huy sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước bằng khoa học, công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST & CDS)

Tầm nhìn chiến lược cho ĐMST

Phát biểu khai mạc Lễ hưởng ứng Ngày hội ĐMST quốc gia 2025, Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng cho biết, cách đây tròn một năm, cũng tại Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC), Thủ tướng Chính phủ đã chọn ngày 1/10 hằng năm là Ngày hội ĐMST Quốc gia. Năm nay, sự kiện càng thêm ý nghĩa khi diễn ra trong không khí hào hùng sau Lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 của đất nước.

Phó Thủ tướng nhắc lại lời Tổng Bí thư Tô Lâm, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã chỉ ra những định hướng chiến lược và được đông đảo cán bộ, đảng viên, nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước đồng thuận, xem đây như một "khoán 10" trong lĩnh vực KH&CN. Sự ủng hộ này thể hiện khát

vọng phát triển mãnh liệt và quyết tâm vươn lên của dân tộc.



Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng phát biểu khai mạc

Theo Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng, trong 9 tháng qua, Nghị quyết 57 đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, trở thành kim chỉ nam để Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương ban hành hàng loạt cơ chế, chính sách mới, góp phần tạo chuyển động mạnh mẽ trong thực tiễn. Ngày hội ĐMST quốc gia

năm 2025, với tinh thần toàn dân tham gia, toàn dân thụ hưởng, hướng tới khẳng định ĐMST là sự nghiệp chung của cả nước, không phân biệt tuổi tác, giới tính, vùng miền hay tôn giáo. Từ đô thị lớn tới miền núi, hải đảo, ĐMST phải trở thành động lực bứt phá, giúp Việt Nam phát triển nhanh, bền vững.

Ba trụ cột thúc đẩy ĐMST

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025) và các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức đan xen, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, tình hình kinh tế - xã hội vẫn đạt nhiều kết quả khả quan:

GDP dự kiến tăng tối thiểu 8%, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.000 USD, lạm phát được kiểm soát quanh mức 4%, và phần đầu tăng trưởng cả năm đạt 8,3-8,5%.

Trên bảng xếp hạng ĐMST toàn cầu (GII), Việt Nam tiếp tục duy trì vị thế và có bước tiến mới, tăng 3 bậc so với năm 2023, từ 53 lên 50.

Trong ASEAN, Việt Nam đã vượt Thái Lan, đứng thứ 3 sau Singapore và Malaysia. Đặc biệt, theo báo cáo GI

2025 của WIPO, Việt Nam là một trong 9 quốc gia thu nhập trung bình cải thiện nhanh nhất từ 2013 đến nay. Việt Nam cũng thuộc nhóm 2 quốc gia giữ kỷ lục 15 năm liên tiếp có thành tích vượt trội so với mức độ phát triển (cùng với Ấn Độ). Lần đầu tiên, Việt Nam vươn lên dẫn đầu thế giới ở chỉ số "Xuất khẩu hàng hóa sáng tạo".

Để đạt được các kết quả trên, có sự chủ động, khẩn trương, quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được định hướng tại Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị nhằm góp phần chung trong "dòng chảy" tháo gỡ các rào cản, khơi thông nguồn lực để phát triển KHCN, ĐMST & CDS.

Từ đầu năm 2025 đến nay, cả nước đã tập trung triển khai các nhiệm vụ được giao; trong đó tập trung vào 03 nhóm nhiệm vụ lớn, thúc đẩy ĐMST tại Việt Nam:

Về hoàn thiện thể chế:

Nhằm khơi thông nguồn lực cho KHCN, ĐMST & CDS quốc gia, việc tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế được tập trung ưu tiên hàng đầu, như: Luật KHCN & ĐMST; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế

nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, ban hành đã góp phần đơn giản hóa các thủ tục đầu tư, kinh doanh, tạo cơ chế thông thoáng và cho phép áp dụng các mức ưu đãi cao nhất cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các khoa học, công nghệ, ĐMST; đồng thời tạo điều kiện để Nhà nước phát huy hơn nữa vai trò dẫn dắt trong "đặt hàng" cho các ngành, lĩnh vực công nghệ chiến lược thông qua các cơ chế ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế xuất nhập khẩu; đơn giản hóa thủ tục, quy trình đấu thầu, lựa chọn đối tác cung ứng để đầu tư, mua sắm, khai thác tài sản công phục vụ nghiên cứu, phát triển và ĐMST.

Về tập trung nguồn lực ngân sách đầu tư cho KHCN, ĐMST & CDS:

Bên cạnh cơ chế, chính sách hỗ trợ, về nguồn lực của Nhà nước, năm 2025, tổng chi cho KHCN, ĐMST & CDS là hơn 51 nghìn tỷ đồng, đạt 2% tổng chi ngân sách nhà nước. Mức tăng bố trí ngân sách nhà nước cho lĩnh vực KHCN, ĐMST & CDS năm 2025 tăng 22,54% so với năm 2024. Bên cạnh đó, ngân sách nhà nước cũng dành ra 25.000 tỷ đồng từ nguồn tăng thu 2024 để bổ sung cho lĩnh vực KHCN, ĐMST & CDS để đảm bảo năm

2025 cân đối tối thiểu 3% tổng chi NSNN cho KHCN, ĐMST & CDS, phù hợp với chủ trương tại Nghị quyết 57.

Về phát triển nguồn nhân lực:

Nhiều cơ chế, chính sách "đột phá" về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đã được ban hành, từ những cơ chế, chính sách thu hút nhân tài KH & CN, đến thu hút các tổng công trình sư, kiến trúc sư trưởng.

Bên cạnh nguồn nhân lực trong nước, nguồn nhân lực là những chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài cũng được kết nối, huy động để tham gia thực hiện thắng lợi Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị; trong đó bao gồm những mạng lưới lớn như Mạng lưới ĐMST Việt Nam tại 22 quốc gia, vùng lãnh thổ với khoảng 2.500 thành viên là các chuyên gia, nhà khoa học, trí thức, doanh nhân người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ cao.

Trong khuôn khổ Ngày hội ĐMST quốc gia 2025, diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, như: Diễn đàn Chính sách ĐMST với chủ đề "Kiến tạo chính sách, đẩy mạnh thực thi nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số", công bố những chính sách vượt trội, tạo không gian đối thoại giữa cơ quan quản lý, doanh nghiệp và nhà đầu tư

trong và ngoài nước; Triển lãm quốc tế ĐMST Việt Nam 2025, quy tụ hàng trăm doanh nghiệp, viện nghiên cứu, startup từ Mỹ, Đức, Pháp, Nhật Bản..., dự kiến đón hơn 40.000 lượt khách. Triển lãm trưng bày sản phẩm, công nghệ mới thuộc 11 ngành, lĩnh vực trọng điểm theo Quyết định 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025; Diễn đàn "Thúc đẩy ĐMST, phát triển các ngành công nghệ chiến lược" tập trung vào AI, bán dẫn, lượng tử, an ninh mạng, hàng không - vũ trụ; Hoạt động chuyên đề và bên lề: Hội thảo về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và giáo dục STEM; khởi động Giải đấu VEX Robotics quốc gia 2026; vinh danh học sinh, sinh viên đạt giải STEM quốc tế; trải nghiệm lái thử xe điện, STEM cho giới trẻ; chương trình bình chọn sản phẩm ĐMST "Better Choice Awards".



Ngày hội Đổi mới sáng tạo quốc gia năm 2025

Với chủ đề "ĐMST toàn dân - Động lực phát triển quốc gia", Ngày hội ĐMST quốc gia năm 2025 nhấn mạnh rằng ĐMST không chỉ là khẩu hiệu mà là hành động xuất phát từ mọi tầng lớp trong xã hội, mỗi cá nhân, mỗi tổ chức đều có thể đóng góp vào sự nghiệp phát triển quốc gia.

Nguồn: <https://mst.gov.vn/>

KINH TẾ SỐ MỞ RA CƠ HỘI MỚI CHO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VIỆT NAM

Thái Ngô

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, nông nghiệp – nông thôn Việt Nam đang chứng kiến những thay đổi rõ nét nhờ sự lan tỏa của công nghệ số. Từ việc bán nông sản qua thương mại điện tử, quảng bá du lịch cộng đồng trên mạng xã hội đến triển khai hạ tầng viễn thông, internet đến tận thôn, bản, kinh tế số đã và đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân.

Người dân nông thôn bắt nhịp chuyển đổi số

Báo cáo khảo sát của Chính phủ điện tử năm 2024 cho thấy, chỉ số hạ tầng viễn thông và internet tại Việt Nam tăng trưởng khá mạnh trong hai năm gần đây. Điều này khẳng định, người dân và doanh nghiệp ở nhiều vùng, đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, đang được hưởng lợi nhiều hơn từ các dịch vụ và ứng dụng số.

Câu chuyện khởi nghiệp của anh Hoàng Văn Sấn, dân tộc Tày (Quảng Ninh) là minh chứng sinh động. Năm năm trước, anh bắt đầu xây dựng mô hình homestay ở vùng đất biên giới xa xôi. Nhiều người hoài nghi về khả năng thành công, bởi điều kiện hạ tầng hạn chế, việc quảng bá khó khăn. Nhưng nhờ tận dụng các nền tảng số, Homestay Hoàng Sấn nay đã trở thành

điểm đến hút khách, được tìm kiếm nhiều trên Google, Facebook, Zalo... Tài khoản Facebook của homestay có gần 2.000 người theo dõi, hơn 50.000 lượt tiếp cận, thậm chí trên một diễn đàn du lịch lớn còn đạt tới 46.000 lượt quan tâm.

Không chỉ dừng lại ở du lịch, mô hình kinh tế số còn hiện diện trong sản xuất nông nghiệp. Anh Lý Văn Quận (Quảng Ninh) đã mạnh dạn chuyển từ trồng lúa sang trồng ớt chào mào. Thời gian đầu, việc tiêu thụ còn khó khăn, nhưng từ khi đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, ớt chào mào của gia đình nhanh chóng được thị trường biết đến. "Tôi không chỉ bán lẻ như trước, mà giờ thương lái tìm đến tận nơi. Nhờ internet, chúng tôi vừa học

hỏi kỹ thuật mới vừa mở rộng đầu ra sản phẩm", anh Quận chia sẻ.

Đề có những thay đổi tích cực ấy, hạ tầng viễn thông – internet đóng vai trò then chốt. Chỉ riêng tại Quảng Ninh, tỉnh đã hoàn thiện 57 trạm BTS và triển khai cáp quang đến các thôn, bản vùng sâu, vùng xa. Việc phủ sóng internet băng rộng không chỉ giúp người dân tiếp cận thông tin, mà còn mở đường cho du lịch cộng đồng, nông sản địa phương tiếp cận thị trường rộng lớn.

Theo số liệu thống kê giai đoạn 2015-2019, khả năng tiếp cận công nghệ thông tin của đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) đã cải thiện đáng kể. Năm 2019, có tới 92,5% hộ gia đình DTTS sử dụng điện thoại, tăng 17% so với năm 2015. Đặc biệt, tỉ lệ hộ sử dụng internet tăng từ 6,5% (2015) lên 61,3% (2019) – bước tiến vượt bậc trong tiếp cận thông tin.

Dẫu vậy, vẫn còn tồn tại chênh lệch giữa các vùng. Tây Nguyên là khu vực có tỉ lệ hộ gia đình DTTS sử dụng internet thấp nhất, chỉ 46,1%. Một số dân tộc như La Hủ, Brâu, Chứt, Rơ Măm... có tỉ lệ sử dụng internet dưới 30%. Điều này cho thấy, để kinh tế số thực sự lan tỏa, cần tiếp tục ưu tiên đầu

tư hạ tầng viễn thông cho những vùng còn "trắng" sóng.

Hạ tầng số và công nghệ mới – động lực cho nông nghiệp bứt phá

Phát biểu tại hội nghị gần đây, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Phạm Đức Long cho biết, hiện vẫn còn 238 thôn, bản đã có điện lưới quốc gia nhưng chưa có sóng viễn thông. Bộ đã chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông khẩn trương hoàn thành hạ tầng trước ngày 31/8/2025, phát sóng chậm nhất trong tuần thứ hai tháng 9/2025.

Đối với 117 thôn, bản chưa có điện, Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Công Thương và Tập đoàn EVN để xây dựng phương án cấp điện đồng bộ với đầu tư viễn thông, dự kiến hoàn thành trước 30/11/2025. "Bộ sẽ trình Chính phủ ban hành nghị quyết hỗ trợ chi phí từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích để khuyến khích doanh nghiệp triển khai hạ tầng tại những nơi khó khăn", Thứ trưởng nhấn mạnh.

Cuối năm 2024, cả nước còn tới 761 thôn, bản "lỗ sóng", trong đó 543 thôn thuộc vùng đặc biệt khó khăn. Thủ tướng đã yêu cầu xử lý dứt điểm tình trạng này trong năm 2025. Việc kiên quyết xóa bỏ "lỗ sóng" không chỉ là cam kết chính trị, mà còn là yếu tố tiên quyết để đưa dịch vụ số,

thương mại điện tử, giáo dục trực tuyến... đến với người dân vùng sâu, vùng xa.

Một trong những giải pháp được giới chuyên gia đánh giá cao là triển khai dịch vụ internet băng rộng qua vệ tinh quỹ đạo tầm thấp (LEO). Công nghệ này giúp cung cấp internet tốc độ cao ở những khu vực mà cáp quang không thể vươn tới, như hải đảo, vùng núi cao, biên giới.

Thứ trưởng Phạm Đức Long cho biết, Bộ KH&CN sẽ cấp phép và triển khai thí điểm có kiểm soát dịch vụ này ngay khi doanh nghiệp hoàn tất thủ tục đầu tư, thành lập pháp nhân tại Việt Nam. Dự kiến, từ quý IV/2025, dịch vụ vệ tinh LEO có thể chính thức được triển khai, mở ra triển vọng phủ sóng toàn quốc.

Theo phân tích của các chuyên gia, internet vệ tinh LEO sẽ không chỉ phục vụ nhu cầu kết nối của người dân, mà còn hỗ trợ phát triển chính phủ số, giáo dục, y tế từ xa, quản lý chuỗi cung ứng nông sản, thương mại điện tử... ở những vùng khó khăn.

Từ thực tiễn các mô hình ở Quảng Ninh có thể thấy, kinh tế số đã và đang mang lại nhiều thay đổi cho sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn. Việc bán hàng qua mạng giúp nông

sản có thị trường rộng mở; quảng bá du lịch số giúp bản làng xa xôi được nhiều du khách biết đến; kết nối internet băng rộng giúp người dân tiếp cận tri thức, kỹ thuật mới nhanh chóng.

Chuyển đổi số trong nông nghiệp không chỉ dừng lại ở việc bán hàng trực tuyến. Xu hướng mới là ứng dụng công nghệ IoT, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong sản xuất, chế biến, phân phối nông sản. Hệ thống cảm biến thông minh có thể giúp nông dân theo dõi độ ẩm, dinh dưỡng đất; nền tảng dữ liệu giúp dự báo mùa vụ, dịch bệnh; blockchain hỗ trợ truy xuất nguồn gốc minh bạch.

Nếu tận dụng tốt kinh tế số, nông nghiệp Việt Nam có thể bước sang giai đoạn mới: tăng giá trị, giảm chi phí, phát triển bền vững. Điều này không chỉ nâng cao thu nhập cho nông dân, mà còn góp phần bảo đảm an ninh lương thực, mở rộng thị trường xuất khẩu, hiện đại hóa nông thôn.

Chương trình chuyển đổi số quốc gia đang mở ra cơ hội lớn để nông nghiệp, nông thôn Việt Nam bứt phá. Những homestay được quảng bá trực tuyến, những nông sản được tiêu thụ qua thương mại điện tử, những bản làng miền núi được kết nối internet chỉ

là những ví dụ khởi đầu. Khi hạ tầng viễn thông được hoàn thiện, công nghệ vệ tinh tầm thấp được triển khai, cùng với sự đồng hành của chính quyền và doanh nghiệp, kinh tế số chắc chắn sẽ

trở thành động lực mạnh mẽ đưa nông nghiệp Việt Nam tiến tới tương lai hiện đại, xanh và bền vững.

Nguồn <https://mst.gov.vn/> •



Ảnh minh họa: Kinh tế số mở ra cơ hội mới cho nông nghiệp, nông thôn Việt Nam

LÀM THẾ NÀO ĐỂ BẢO VỆ THƯƠNG HIỆU SẢN PHẨM OCOP VÀ ĐẶC SẢN ĐỊA PHƯƠNG TẠI VIỆT NAM

Minh Thảo (Bài dịch)

Trong những năm gần đây, chương trình OCOP (Một xã một sản phẩm) đã mang lại làn gió mới cho phát triển nông thôn Việt Nam, nâng cao cả chất lượng lẫn giá trị thương hiệu của các sản phẩm đặc sản địa phương. Tuy nhiên, nhiều cơ sở sản xuất vẫn đánh giá thấp tầm quan trọng của việc đăng ký nhãn hiệu - một điều kiện thiết yếu cho phát triển bền vững, bảo vệ thương hiệu và tránh tranh chấp



Vì sao đăng ký nhãn hiệu quan trọng đối với sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương?

OCOP không chỉ là một chương trình gia tăng giá trị sản phẩm mà còn là nền tảng để mỗi địa phương xây dựng bản sắc thương hiệu riêng. Trong xu hướng tiêu dùng hiện nay, người mua không chỉ quan tâm đến chất lượng sản phẩm mà còn coi trọng uy tín thương hiệu và nguồn gốc xuất xứ. Việc đăng ký nhãn hiệu đóng vai trò như một “lá chắn” pháp lý bảo vệ bản sắc của sản phẩm OCOP, mở rộng thị trường và nâng cao giá trị.

Nhãn hiệu là gì và vì sao cần đăng ký?

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa hoặc dịch vụ của một chủ thể này với chủ thể khác. Đối với các sản phẩm đặc sản vùng miền hoặc OCOP, nhãn hiệu không chỉ đại diện cho tên gọi mà còn cho chất lượng, xuất xứ và uy tín gắn liền với địa phương.

Nếu không đăng ký nhãn hiệu, doanh nghiệp có thể đối mặt với các rủi ro như:

Hàng giả làm tổn hại uy tín;

Thương hiệu bị chủ thể khác chiếm đoạt;

Không thể mở rộng kênh phân phối, nhượng quyền hoặc xuất khẩu.

Khi nhãn hiệu được đăng ký, chủ sở hữu có quyền độc quyền sử dụng, ngăn chặn hành vi xâm phạm, đồng thời thương mại hóa thông qua nhượng quyền, chuyển giao quyền sử dụng hoặc coi như một tài sản sở hữu trí tuệ.

Những sản phẩm OCOP nào cần đăng ký nhãn hiệu?

Tất cả các nhóm sản phẩm OCOP - thực phẩm chế biến, đồ uống, thảo dược, vải và thủ công mỹ nghệ, sản phẩm du lịch sinh thái - đều cần đăng ký nhãn hiệu. Đặc biệt là những sản phẩm mang đậm dấu ấn địa lý như nước mắm, bánh gạo, chè, trái cây nhiệt đới, rượu địa phương...

Thực tế đã có nhiều trường hợp sản phẩm truyền thống lâu đời bị đơn vị khác đăng ký thương hiệu trước, dẫn đến tranh chấp và mất quyền sử dụng.

Các loại nhãn hiệu phù hợp với sản phẩm OCOP

Tùy chiến lược phát triển, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã có thể lựa chọn:

Nhãn hiệu thông thường: bảo hộ tên thương mại, logo, khẩu hiệu;

Nhãn hiệu tập thể: dùng chung cho các thành viên trong nhóm/hợp tác xã;

Nhãn hiệu chứng nhận: dùng để chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn nhất định (ví dụ: sản phẩm OCOP 3 sao, 4 sao);

Chỉ dẫn địa lý: cho sản phẩm gắn với địa danh (ví dụ: nước mắm Phú Quốc, cà phê Buôn Ma Thuột), có mức độ bảo hộ và giá trị thương mại cao nhất.

Thủ tục đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm OCOP

Tại Việt Nam, nhãn hiệu được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ (IPVN), với các bước:

Tra cứu sơ bộ: Kiểm tra nhãn hiệu dự định đăng ký đã tồn tại hoặc tương tự hay chưa. Bỏ qua bước này có thể dẫn đến bị từ chối hoặc kéo dài thời gian xử lý.

Chuẩn bị và nộp hồ sơ: Bao gồm: tờ khai, mẫu nhãn hiệu, chứng cứ về quyền nộp đơn, giấy tờ pháp lý, danh mục hàng hóa/dịch vụ.

Thẩm định và cấp Giấy chứng nhận: Quy trình bao gồm: thẩm định hình thức, công bố đơn, thẩm định nội dung, và cấp văn bằng bảo hộ nếu đủ điều kiện. Thông thường kéo dài 18–24 tháng.

Trong suốt giai đoạn này, việc theo dõi và phản hồi các thông báo chính thức là rất quan trọng. Vì vậy, nhiều doanh nghiệp lựa chọn sử dụng dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp để tăng hiệu quả và khả năng thành công.

Việc đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương không chỉ là một thủ tục pháp lý, mà còn là giải pháp chiến lược bảo vệ tài

sản trí tuệ, uy tín và giá trị thương hiệu của mỗi vùng miền. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh ngày càng khốc liệt và nguy cơ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng cao, nhãn hiệu trở thành công cụ pháp lý và thương mại quan trọng để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất khẳng định chỗ đứng trên thị trường.

Một nhãn hiệu được đăng ký thành công sẽ giúp:

Xây dựng niềm tin cho người tiêu dùng trong và ngoài nước;

Ngăn chặn hàng giả, hàng nhái, chiếm đoạt thương hiệu;

Tạo cơ sở cho việc mở rộng thị trường, nhượng quyền, xuất khẩu;

Khẳng định giá trị văn hóa – kinh tế của đặc sản địa phương, gắn kết thương hiệu với bản sắc vùng miền.

Do vậy, để sản phẩm OCOP và đặc sản Việt Nam phát triển bền vững, các chủ thể sản xuất cần chủ động tiếp cận, hiểu rõ quy trình pháp lý và đầu tư nghiêm túc cho việc đăng ký, quản lý và khai thác nhãn hiệu. Đồng thời, sự đồng hành của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức tư vấn pháp lý và doanh nghiệp sẽ tạo thành “hệ sinh thái bảo hộ thương hiệu” hiệu quả, góp phần đưa sản phẩm địa phương vươn xa, nâng cao vị thế Việt Nam trên thị trường khu vực và toàn cầu.

Bài dịch: How to Protect the Brand of OCOP and Local Specialty Products in Vietnam. Nguồn <https://www.dedicalaw.com/> •



Ảnh minh họa (Nguồn Internet)

LỢI ÍCH CỦA VIỆC ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM

Minh Thảo (Bài dịch)

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn bùng nổ, trở thành một thị trường hấp dẫn cho các doanh nghiệp ở mọi quy mô. Khi bạn xây dựng thương hiệu trong bối cảnh năng động này, việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trở nên vô cùng quan trọng. Nhãn hiệu đóng vai trò nền tảng trong nhận diện thương hiệu, giúp người tiêu dùng nhận biết ngay lập tức và tạo sự khác biệt với đối thủ cạnh tranh. Bài viết này phân tích những lợi ích của việc đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam, hỗ trợ bạn xây dựng giá trị thương hiệu, chống hàng giả và mở ra nhiều cơ hội kinh doanh



Ảnh minh họa

I. Xây dựng giá trị và độ nhận diện thương hiệu

Trong thị trường năng động của Việt Nam, việc xây dựng một bản sắc thương hiệu mạnh mẽ là yếu tố then chốt dẫn đến thành công. Thương hiệu không chỉ là tên gọi; đó còn là bản chất của doanh nghiệp, bao gồm uy tín, giá trị và cam kết đối với khách hàng. Đăng ký nhãn hiệu trở thành công cụ

đặc lực giúp xây dựng giá trị và độ nhận diện thương hiệu, tạo dấu ấn trong tâm trí người tiêu dùng.

1. Từ xa lạ đến ghi nhớ: Sức mạnh của sự nhận diện

Một logo hoặc tên gọi mới lạ thường không để lại nhiều ấn tượng trong lần đầu tiên. Tuy nhiên, thông qua hoạt động tiếp thị và trải nghiệm sản phẩm lặp đi lặp lại, nhận diện được

hình thành. Nhân hiệu đã đăng ký trở thành “gương mặt đại diện” quen thuộc, nền tảng của giá trị thương hiệu.

2. Yếu tố niềm tin: Liên kết giữa nhận diện và sự tín nhiệm

Trong vô vàn lựa chọn, người tiêu dùng thường dựa vào tín hiệu tin cậy để ra quyết định. Nhân hiệu đã đăng ký là minh chứng pháp lý cho cam kết về chất lượng và sự tuân thủ Luật Sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Điều này củng cố niềm tin, khiến khách hàng lựa chọn thương hiệu của bạn thay vì đối thủ.

3. Vòng lặp trung thành: Nhận diện tạo ra sự ưu tiên

Khi người tiêu dùng liên tục bắt gặp nhân hiệu đã đăng ký gắn liền với trải nghiệm tích cực, họ hình thành sự ưu tiên. Thương hiệu gắn liền với tập hợp những giá trị nhất định và củng cố niềm tin. Đây là động lực thúc đẩy mua hàng lặp lại và lan tỏa truyền miệng tích cực.

4. Khác biệt hóa trong cạnh tranh khốc liệt

Thị trường Việt Nam tràn ngập doanh nghiệp cạnh tranh giành lấy sự chú ý. Nhân hiệu đã đăng ký giúp bạn nổi bật, tạo bản sắc riêng, thu hút đúng đối tượng và khẳng định vị thế đáng tin cậy.

5. Giá trị của sự nhất quán: Xây dựng tài sản thương hiệu lâu dài

Đăng ký nhân hiệu cho phép bạn kiểm soát cách trình bày thương hiệu, đảm bảo tính thống nhất trong mọi tài liệu tiếp thị, bao bì và tương tác với khách hàng. Tính nhất quán này củng cố nhận diện và hình thành tài sản thương hiệu (brand equity), mang lại lòng trung thành và cơ hội kinh doanh bền vững.

Đầu tư cho tương lai thương hiệu

Đăng ký nhân hiệu tại Việt Nam không chỉ là biện pháp bảo hộ pháp lý mà còn là khoản đầu tư chiến lược vào tương lai.

II. Ngăn chặn hàng giả và cạnh tranh không lành mạnh

Nền kinh tế phát triển nhanh của Việt Nam mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đi kèm rủi ro bị lợi dụng thương hiệu qua hàng giả, hàng nhái và cạnh tranh không lành mạnh. Đăng ký nhân hiệu là vũ khí hữu hiệu để ngăn chặn.

1. Khẳng định quyền sở hữu và thiết lập ranh giới

Nhân hiệu đã đăng ký là tuyên bố pháp lý về quyền sở hữu. Điều này răn đe đối thủ không dám sao chép, vì hành vi vi phạm sẽ dẫn đến nguy cơ bị xử lý pháp luật.

2. Tạo rào cản: Giám động cơ xâm phạm

Đăng ký nhân hiệu khiến hành vi làm giả trở nên rủi ro và tốn kém hơn, do đối tượng vi phạm có thể bị phạt nặng hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Cơ sở thực thi pháp lý rõ ràng

Khi gặp sản phẩm sao chép, nhãn hiệu đã đăng ký cho phép chủ sở hữu nhanh chóng khởi kiện, yêu cầu bồi thường, hoặc đề nghị cơ quan chức năng xử lý hình sự.

4. Bảo vệ thị trường công bằng

Đăng ký nhãn hiệu ngăn chặn các hành vi cạnh tranh không lành mạnh như sử dụng tên gọi, bao bì gây nhầm lẫn, bảo đảm môi trường cạnh tranh minh bạch.

5. Uy tín thương hiệu: Hàng rào ngăn chặn gián tiếp

Thương hiệu mạnh, đã đăng ký và có uy tín sẽ ít bị nhầm lẫn hơn, vì người tiêu dùng có xu hướng chọn sản phẩm chính hãng.

III. Cơ sở pháp lý và cơ chế thực thi

Sở hữu nhãn hiệu đã đăng ký tại Việt Nam mang lại lợi thế pháp lý mạnh mẽ:

Cơ sở pháp lý rõ ràng: Tài liệu đăng ký là chứng cứ pháp lý xác định quyền sở hữu độc quyền.

Khởi kiện và yêu cầu bồi thường: Chủ sở hữu có thể khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc xử lý hình sự đối với hành vi vi phạm.

Giá trị chứng cứ: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu là chứng cứ sơ bộ (prima facie evidence) khẳng định quyền.

Hỗ trợ của luật sư sở hữu trí tuệ: Các thủ tục pháp lý phức tạp cần sự tham gia của luật sư chuyên ngành để bảo đảm hiệu quả.

IV. Tạo dựng tài sản kinh doanh có giá trị

Nhãn hiệu đã đăng ký không chỉ là nhận diện thương hiệu mà còn trở thành tài sản vô hình của doanh nghiệp:

Gia tăng giá trị thương hiệu: Nhãn hiệu trở thành biểu tượng gắn liền với uy tín và chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm.

Khai thác thương mại: Có thể cấp phép sử dụng (licensing) hoặc nhượng quyền (franchising), tạo dòng thu nhập mới.

Gia tăng giá trị doanh nghiệp: Trong các thương vụ M&A, nhãn hiệu đã đăng ký giúp nâng cao định giá doanh nghiệp.

V. Kết luận

Thị trường Việt Nam đầy tiềm năng nhưng cạnh tranh gay gắt. Việc đăng ký nhãn hiệu không chỉ bảo vệ quyền lợi pháp lý mà còn tạo dựng nền tảng cho sự phát triển lâu dài. Một nhãn hiệu được bảo hộ là tài sản quý giá, mở ra cơ hội khai thác thương mại, nâng cao giá trị doanh nghiệp, và đảm bảo tăng trưởng bền vững.

Bài dịch: Benefits of Trademark Registration in Vietnam.

Nguồn: <https://luatminhkhue.vn/>

ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ NĂM 2025

Trà My

Luật Năng lượng nguyên tử 2025 được Quốc hội Khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2025 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 với nhiều điểm mới

Luật Năng lượng nguyên tử gồm 12 chương, 73 điều (giảm 20 điều tương ứng với hơn 20% số điều so với Luật năm 2008).

nguyên tử, bảo đảm tính công khai, minh bạch, liên thông, đồng bộ và kịp thời trong việc thu thập, xử lý, khai thác và chia sẻ thông tin, dữ liệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử là hệ thống tích hợp thống nhất, phục vụ cập nhật, lưu trữ, quản lý, trao đổi và chia sẻ dữ liệu về tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật và các hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử được thiết kế bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông và chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

Việc khai báo, cấp giấy phép, giấy đăng ký, chứng chỉ; kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị hạt nhân và vật liệu phóng xạ; quản lý vật liệu phóng xạ, thiết bị bức xạ; báo cáo và

QUỐC HỘI		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
Luật số: 94/2025/QH15			
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ	CÔNG VẤN ĐẾN	CÔNG THƯƠNG TIN ĐIỆN TỬ (CHUYÊN MÙA)	
Giờ: 1 Ngày: 16/7		ĐIỀU CHỈNH	
Kính chuyển: TT		Ngày: 16/7/2025	
Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;			
Quốc hội ban hành Luật Năng lượng nguyên tử.			

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử: an toàn bức xạ, bảo vệ bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân; nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu; ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân, bồi thường thiệt hại bức xạ, thiệt hại hạt nhân; thanh sát hạt nhân và quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

Luật năng lượng nguyên tử 2025

1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử

Đây là nội dung mới được quy định tại Điều 7 Luật Năng lượng nguyên tử 2025 mà trước đây các Luật năm 2008, 2018 chưa đề cập.

Theo đó, Nhà nước thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng

trao đổi dữ liệu quan trắc phóng xạ môi trường, báo cáo chuyên ngành khác trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử phải được thực hiện, quản lý và lưu trữ trên Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, trừ nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Việc truy cập, khai thác và sử dụng dữ liệu trên Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin và pháp luật về an ninh mạng.

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử có trách nhiệm cung cấp, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu trên Nền tảng số về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử theo quy định của pháp luật.

2. Bổ sung thêm các hành vi bị nghiêm cấm

So với quy định trước đây tại Luật Năng lượng nguyên tử 2008, Luật mới năm 2025 bổ sung các hành vi bị cấm như:

- Thực hiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử

mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

- Tri hoãn cung cấp thông tin về sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân làm tổn hại lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Cung cấp thông tin giả hoặc sai lệch; làm giả hoặc làm sai lệch hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử nhằm trục lợi hoặc gây cản trở công tác quản lý nhà nước.



Quang cảnh kỳ họp thứ 9

3. Điều chỉnh, bổ sung quy định về công việc bức xạ

Theo Điều 14 Luật Năng lượng nguyên tử 2025, các công việc bức xạ được điều chỉnh, bổ sung như sau:

3.1. Điều chỉnh một số công việc bức xạ

- Vận hành thiết bị chiếu xạ : Không liệt kê cụ thể các thiết bị chiếu xạ

Trước đây: Vận hành thiết bị chiếu xạ gồm máy gia tốc; thiết bị xạ trị;

thiết bị chiếu xạ khử trùng, xử lý vật liệu và sử dụng các thiết bị bức xạ khác;

- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản có tính phóng xạ

Trước đây: Thăm dò, khai thác, chế biến quặng phóng xạ;

- Luật mới năm 2025 không quy định các công việc:

+ Sử dụng vật liệu hạt nhân ngoài chu trình nhiên liệu hạt nhân;

+ Vận hành tàu biển, phương tiện khác có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân;

+ Hoạt động khác tạo ra chất thải phóng xạ

→ Thay vào đó quy định "Công việc bức xạ khác theo quy định của Chính phủ".

3.2. Bổ sung một số công việc bức xạ:

- Vận hành thử tổ máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu;

- Làm giàu urani, chế tạo nhiên liệu hạt nhân;

- Sử dụng thiết bị bức xạ

4. Điều chỉnh về cơ sở bức xạ

Luật Năng lượng nguyên tử 2025 có một số thay đổi về cơ sở bức xạ so với Luật năm 2008. Cụ thể Điều 16

Luật Năng lượng nguyên tử 2005 quy định cơ sở bức xạ bao gồm:

- Cơ sở vận hành máy gia tốc;

- Cơ sở vận hành thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ;

- Cơ sở sản xuất, chế biến chất phóng xạ;

- Cơ sở xử lý, lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng.

- Cơ sở bức xạ khác theo quy định của Chính phủ.

5. Thay đổi về cơ quan có quyền yêu cầu báo cáo công việc bức xạ

Tại khoản 3 Điều 17 Luật Năng lượng nguyên tử 2025 quy định:

Tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ phải lập báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia hoặc cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử theo quy định của pháp luật.

Trong khi trước đây, chỉ phải lập báo cáo theo yêu cầu của cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Thay đổi về trường hợp cơ sở bức xạ phải lập báo cáo phân tích an toàn

Theo khoản 2 Điều 17, các trường hợp phải báo cáo phân tích an toàn gồm:

- Cơ sở bức xạ phải lập báo cáo phân tích an toàn trình cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia phê duyệt trước khi xây dựng cơ sở bức xạ, trừ cơ sở vận hành thiết bị chiếu xạ có cơ cấu tự che chắn theo thiết kế của nhà sản xuất và cơ sở vận hành máy gia tốc di động để soi chiếu kiểm tra hàng hóa;

- Cơ sở bức xạ phải lập báo cáo phân tích an toàn khi đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ đối với việc thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động, chấm dứt hoạt động.

Trước đây: Cơ sở bức xạ phải lập báo cáo phân tích an toàn khi xin cấp giấy phép xây dựng, thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động, chấm dứt hoạt động.

7. Bổ sung quy định về quan trắc phóng xạ môi trường

Hoạt động quan trắc phóng xạ môi trường được bổ sung một số quy định mới tại Điều 23 Luật Năng lượng nguyên tử như sau:

- Quan trắc phóng xạ môi trường là việc theo dõi liên tục, định kỳ, đột xuất, có hệ thống về diễn biến phóng xạ trong các thành phần môi trường tại khu vực quan trắc. Quan trắc phóng xạ môi trường giúp phát hiện kịp thời mọi diễn biến bất thường về bức xạ tác động đến môi trường, hỗ trợ việc chủ

động ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; cung cấp cơ sở dữ liệu về phóng xạ phục vụ công tác quản lý nhà nước về năng lượng nguyên tử; thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Tổ chức tiến hành công việc bức xạ có nguy cơ làm phát tán chất phóng xạ phải tiến hành quan trắc phóng xạ môi trường, báo cáo cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia kết quả quan trắc phóng xạ môi trường định kỳ và báo cáo ngay khi phát hiện kết quả quan trắc phóng xạ môi trường bất thường.

- Dữ liệu quan trắc phóng xạ môi trường phải được quản lý và chia sẻ trên Nền tảng số quốc gia về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và an ninh hạt nhân, phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

- Việc phát triển mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia thực hiện theo Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử.

8. Điều chỉnh về trường hợp phải thực hiện quan trắc phóng xạ môi trường

Trước đây chỉ có 02 trường hợp yêu cầu thực hiện thực hiện quan trắc phóng xạ môi trường là: Tổ chức có lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu và Nhà máy điện hạt nhân

Theo quy định mới tại Luật Năng lượng nguyên tử 2025, việc quan trắc phóng xạ môi trường được yêu cầu thực hiện đối với:

- Cơ sở hạt nhân
- Nhà máy điện hạt nhân
- Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, chế biến, đóng cửa mỏ khoáng sản có tính phóng xạ

9. Trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ

Căn cứ khoản 1 Điều 25 Luật Năng lượng nguyên tử, trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ có một số thay đổi như sau:

- Yêu cầu phải chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân thay vì "tạo điều kiện" như trước.

- Bổ sung trách nhiệm:

+ Tổ chức khám bệnh nghề nghiệp đối với nhân viên bức xạ;

+ Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia khi xảy ra sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

10. Kéo dài thời hạn thông báo khi có chất phóng xạ

Trước đây, tổ chức, cá nhân có chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với hoạt độ trên mức miễn trừ khai báo, thiết bị bức xạ có công suất trên mức miễn trừ khai báo, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân phải khai báo với cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân về số lượng, loại, đặc tính, xuất xứ và các thông tin khác quy định.

Việc khai báo phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có vật liệu phóng xạ, thiết bị bức xạ, thiết bị hạt nhân.

Theo quy định mới tại Điều 55 Luật Năng lượng nguyên tử, việc thông báo và khai báo được thực hiện như sau:

- Tổ chức, cá nhân có kế hoạch tiến hành công việc bức xạ thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Tổ chức, cá nhân phải khai báo với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có chất phóng xạ hoặc chất thải phóng xạ với nồng độ hoạt độ phóng xạ, tổng hoạt độ phóng xạ trên mức miễn trừ khai báo, cấp phép; thiết bị bức xạ có suất liều, năng lượng cực đại trên mức miễn trừ khai báo, cấp phép; vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân.

- Tổ chức, cá nhân có kế hoạch chuyển giao, chuyển nhượng nguồn

phóng xạ phải khai báo với cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kế hoạch chuyển giao, chuyển nhượng nguồn phóng xạ.

Trên đây là một số Điểm mới của Luật Năng lượng nguyên tử 2025.

Nguồn <https://luatvietnam.vn/>•



*Đại biểu Quốc hội tại hội trường Diên Hồng, sáng 27/6
(Nguồn Cổng TTĐT Quốc hội)*

ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ TRONG SỬ DỤNG THIẾT BỊ X-QUANG Y TẾ, ĐỜI SỐNG VÀ CÔNG NGHIỆP

Minh Thảo

TÓM TẮT

Bức xạ ion hóa, đặc biệt từ các thiết bị X-quang, được ứng dụng rộng rãi trong y tế, công nghiệp và đời sống. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển này là nguy cơ tiềm ẩn về an toàn bức xạ và các sự cố bức xạ có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường. Bài viết phân tích khung pháp lý hiện hành về quản lý và ứng phó sự cố bức xạ ở Việt Nam, tập trung vào Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử và Thông tư số 12/2023/TT-BKHHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc chuẩn bị ứng phó sự cố và ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân. Qua đó, bài viết đánh giá thực tiễn triển khai, nêu rõ các yêu cầu kỹ thuật, quy trình ứng phó, cũng như đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường năng lực quản lý nguồn bức xạ và giảm thiểu rủi ro trong tương lai.

LỜI NÓI ĐẦU

Sự phát triển của khoa học – công nghệ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử đã mang lại nhiều ứng dụng hữu ích trong đời sống, đặc biệt là trong y tế, công nghiệp và nghiên cứu khoa học. Trong đó, thiết bị X-quang được xem là công cụ không thể thiếu trong chẩn đoán hình ảnh, kiểm tra khuyết tật vật liệu, và kiểm soát chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, việc sử dụng thiết bị phát bức xạ ion hóa cũng kéo theo nguy cơ về an toàn bức xạ và sự cố bức xạ, đòi hỏi phải có cơ chế quản lý, ứng phó chặt chẽ và chuyên nghiệp.

Tại Việt Nam, công tác quản lý an toàn bức xạ được điều chỉnh bởi Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008, cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành như Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 của Chính phủ và Thông tư 12/2023/TT-BKHHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Những văn bản này không chỉ quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở bức xạ, mà còn hướng dẫn cụ thể về ứng phó sự cố, hỗ trợ kỹ thuật, và quản lý nguồn bức xạ.

1. Khái niệm và phân loại sự cố bức xạ

Theo Điều 3 Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008, *sự cố bức xạ* là “sự kiện gây hoặc có khả năng gây hậu quả đối với con người và môi trường do việc phát, chiếu xạ, hoặc thất thoát nguồn phóng xạ”. Sự cố bức xạ có thể xảy ra trong nhiều lĩnh vực:

Y tế: khi sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán, điều trị ung thư (máy gia tốc, cobalt-60...).

Công nghiệp: trong kiểm tra không phá hủy, đo mức, chiếu xạ công nghiệp.

Đời sống: trong các cơ sở đào tạo, nghiên cứu hoặc các thiết bị chứa nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

Các sự cố thường gặp gồm: rò rỉ tia X, thất thoát nguồn phóng xạ, vận hành sai quy trình, hoặc vi phạm giới hạn an toàn liều chiếu.

2. Khái quát về Thông tư 12/2023/TT-BKHCN ngày 30/6/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ

Thông tư 12/2023/TT-BKHCN ban hành ngày 30/06/2023, có hiệu lực từ ngày 18/08/2023, thay thế Thông tư 25/2014/TT-BKHCN. Phạm vi điều chỉnh: việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ/hạt nhân cấp cơ sở và cấp tỉnh; việc lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh.

Thông tư quy định 5 nguyên tắc trong việc chuẩn bị và ứng phó sự cố:

- Hành động bảo vệ phải mang lại lợi ích nhiều hơn tổn hại do hành động đó gây ra;

- Hình thức, phạm vi và thời gian áp dụng hành động bảo vệ phải tối ưu;

- Kế hoạch ứng phó sự cố phải bảo đảm ứng phó kịp thời, quản lý, phối hợp đồng bộ từ cấp cơ sở, tỉnh, quốc gia;

- Phân công trách nhiệm rõ ràng;

- Chỉ đạo ứng phó theo nguyên tắc tập trung thống nhất; đồng bộ với ứng phó sự cố khác nếu có.

Trách nhiệm của các cấp và cơ quan:

Người đứng đầu cơ sở (cơ sở đã có giấy phép bức xạ) có trách nhiệm chính trong việc chuẩn bị và ứng phó sự cố.

Cơ sở, cá nhân phải lập kế hoạch ứng phó sự cố theo Điều 83 Luật Năng lượng nguyên tử, thành lập Ban chỉ huy ứng phó sự cố, tổ chức diễn tập định kỳ, cập nhật kế hoạch khi có thay đổi.

Ban chỉ huy cấp tỉnh/cơ sở phải điều phối nguồn lực, thành lập đội ứng phó ban đầu, tổ chức ứng phó theo kế hoạch, diễn tập hàng năm.

Trình tự phê duyệt kế hoạch ứng phó cấp tỉnh (Căn cứ theo khoản 3

Điều 27 Thông tư số 12/2023/TT-BKHHCN):

Ủy ban nhân dân tỉnh gửi 01 bộ tài liệu (công văn đề nghị kèm 04 bản kế hoạch ứng phó theo mẫu Điều 26, ký đóng dấu, bìa cứng) đến Bộ Khoa học và Công nghệ để phê duyệt.

Kế hoạch ứng phó cấp tỉnh phải tuân theo cấu trúc và nội dung quy định tại Điều 26 Thông tư.

Yêu cầu đối với hoạt động ứng phó sự cố (Căn cứ khoản 2 Điều 3 Thông tư số 12/2023/TT-BKHHCN)

Bên cạnh nguyên tắc, Thông tư đặt ra các yêu cầu bắt buộc mà hoạt động ứng phó phải đạt được:

Kiểm soát được diễn biến sự cố và giảm thiểu hậu quả.

Bảo vệ tính mạng con người.

Phòng tránh hoặc giảm hiệu ứng tác động nghiêm trọng.

Cung cấp biện pháp cứu trợ ban đầu và điều trị nạn nhân.

Giảm thiểu rủi ro các hiệu ứng ngẫu nhiên.

Cung cấp thông tin, đảm bảo niềm tin của công chúng.

Ngăn chặn tối đa hậu quả phi phóng xạ đối với cá nhân và cộng đồng.

Giảm thiểu thiệt hại về tài sản và môi trường.

Tạo điều kiện thuận lợi cho khắc phục sự cố lâu dài và phục hồi hoạt động kinh tế – xã hội.

3. Ứng phó sự cố trong lĩnh vực X-quang y tế

Trong lĩnh vực y tế, thiết bị X-quang được sử dụng rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau như X-quang tổng hợp, X-quang di động, CT-scanner, X-quang can thiệp mạch và các thiết bị chẩn đoán hình ảnh khác. Tuy nhiên, trong quá trình vận hành, vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an toàn bức xạ, chủ yếu xuất phát từ các nguyên nhân sau:

Thiết bị xuống cấp hoặc hư hỏng hệ thống che chắn bức xạ;

Kỹ thuật viên thao tác sai quy trình vận hành, không tuân thủ đầy đủ quy định an toàn;

Không thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị định kỳ theo yêu cầu pháp luật.

Khi xảy ra sự cố bức xạ, cơ sở y tế phải thực hiện ngay các biện pháp ứng phó theo quy định tại Chương II Thông tư số 12/2023/TT-BKHHCN, bao gồm:

Dừng ngay hoạt động của thiết bị phát bức xạ và cô lập khu vực có nguy cơ phát tán bức xạ;

Tiến hành đo, kiểm tra liều chiếu và đánh giá mức độ phơi nhiễm của nhân viên và người có mặt trong khu vực;

Báo cáo bằng văn bản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố cho Sở Khoa học và Công nghệ nơi quản lý trực tiếp;

Phối hợp với các lực lượng chuyên trách, bao gồm Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (VARANS) hoặc Trung tâm ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân khu vực, để thực hiện các biện pháp khắc phục và xử lý hậu quả.

Hiện nay, nhiều bệnh viện tuyến trung ương và tuyến tỉnh đã được phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, đảm bảo khả năng xử lý nhanh chóng khi xảy ra tình huống khẩn cấp. Tuy nhiên, nhiều cơ sở y tế tư nhân quy mô nhỏ vẫn chưa được trang bị đầy đủ thiết bị đo liều cá nhân và thiết bị giám sát bức xạ, đồng thời thiếu nhân lực chuyên trách về an toàn bức xạ, gây khó khăn trong việc phát hiện và xử lý sự cố ban đầu.

4. Ứng phó sự cố trong công nghiệp và đời sống

Trong lĩnh vực công nghiệp, các thiết bị phát tia X và nguồn phóng xạ được sử dụng rộng rãi trong kiểm tra mối hàn, đo độ dày vật liệu, cũng như chiếu xạ sản phẩm nhằm bảo đảm chất lượng và an toàn kỹ thuật.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn tồn tại một số sự cố bức xạ đáng lưu ý, bao gồm:

Thất lạc nguồn phóng xạ Ir-192 hoặc Cs-137, là các đồng vị được sử dụng phổ biến trong kiểm tra không

phá hủy (đặc biệt là kiểm tra mối hàn bằng chiếu tia gamma – *radiography*), đo độ dày vật liệu, kiểm tra mực chất lỏng, thiết bị đo mật độ, và trong một số thiết bị chiếu xạ công nghiệp hoặc y tế;

Rò rỉ bức xạ tại khu vực làm việc do hư hỏng thiết bị hoặc thao tác không đúng quy trình;

Thiếu biển báo và cảnh báo bức xạ tại khu vực có nguồn phóng xạ, gây nguy hiểm cho những người không có chuyên môn.

Các tình huống nêu trên được xem là sự cố bức xạ nghiêm trọng, bởi các nguồn Ir-192 và Cs-137 phát ra tia gamma năng lượng cao, có thể gây phơi nhiễm phóng xạ cấp tính, dẫn đến bỏng phóng xạ, tổn thương tủy xương hoặc tử vong trong trường hợp liều chiếu cao. Ngoài ra, nếu vỏ bọc nguồn bị hư hại, có thể gây ô nhiễm phóng xạ môi trường, thậm chí đe dọa an ninh quốc gia nếu nguồn bị lợi dụng cho mục đích phi pháp.

Do đó, cần thiết phải nâng cao nhận thức cộng đồng về nguy cơ phóng xạ, đồng thời xây dựng và duy trì lực lượng ứng phó sự cố cấp địa phương, đặc biệt tại các tỉnh, thành phố có nhiều cơ sở công nghiệp có hoạt động bức xạ như Lâm Đồng, Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Thực trạng và khuyến nghị

Thực trạng

Thực tế cho thấy, công tác bảo đảm an toàn bức xạ tại các cơ sở y tế vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định. Nhiều cơ sở, đặc biệt là ở tuyến huyện, chưa xây dựng và triển khai đầy đủ kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ theo quy định. Đội ngũ cán bộ chuyên trách về an toàn bức xạ còn thiếu và chưa được đào tạo chuyên sâu, dẫn đến việc giám sát và ứng phó còn mang tính hình thức. Bên cạnh đó, một số địa phương chưa được trang bị đầy đủ thiết bị đo liều và giám sát bức xạ, gây khó khăn cho công tác kiểm soát an toàn trong quá trình vận hành thiết bị X-quang và nguồn phóng xạ.

Khuyến nghị

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp sau:

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ an toàn bức xạ cho đội ngũ cán bộ trực tiếp vận hành thiết bị phát tia X và nguồn phóng xạ, nhằm nâng cao năng lực chuyên môn và nhận thức về an toàn.

Xây dựng mô hình đội phản ứng nhanh cấp tỉnh về sự cố bức xạ, bảo đảm sự phối hợp hiệu quả với các trung tâm vùng của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (VARANS), nhằm kịp thời xử lý các tình huống khẩn cấp.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác giám sát và quản lý nguồn bức xạ, thông qua việc áp dụng mã QR, cơ sở dữ liệu điện tử và các

phần mềm quản lý tập trung, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, minh bạch thông tin và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động bức xạ. Nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan khi xảy ra sự cố và trách nhiệm bồi thường thiệt hại liên quan đến bức xạ, hạt nhân theo quy định tại Luật Năng lượng nguyên tử.

KẾT LUẬN

Ứng phó sự cố bức xạ là nhiệm vụ trọng yếu nhằm bảo đảm an toàn cho con người, môi trường và xã hội trong bối cảnh các ứng dụng năng lượng nguyên tử ngày càng mở rộng. Nghị định số 142/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2023/TT-BKH&CN đã hình thành hành lang pháp lý vững chắc, góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước và hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cơ sở có hoạt động bức xạ.

Tuy nhiên, để công tác ứng phó sự cố đạt hiệu quả thực chất, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành, các tổ chức sử dụng nguồn bức xạ và cộng đồng dân cư, nhằm bảo đảm mọi tình huống được phát hiện, xử lý kịp thời và đúng quy trình.

Trong giai đoạn tới, việc tăng cường tuyên truyền – nâng cao nhận thức, đầu tư trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, và phát triển đội ngũ nhân lực chuyên trách về an toàn bức xạ sẽ là nền tảng quan trọng giúp Việt Nam xây dựng hệ thống quản lý an toàn bức xạ hiện đại, chủ động và bền vững,

phù hợp với chuẩn mực và xu hướng quốc tế. •



Ảnh minh họa: Diễn tập ứng phó sự cố bức xạ (Nguồn Internet)

VIỆT NAM - HOA KỲ TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thái Ngô

Ngày 26/9/2025, tại trụ sở Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN), Thứ trưởng Thường trực Bộ KH&CN Vũ Hải Quân đã có buổi làm việc với Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Marc E. Knapper

Nội dung buổi làm việc tập trung vào thúc đẩy hợp tác song phương trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH&CN, ĐMST&CĐS), nhằm củng cố quan hệ đối tác chiến lược giữa hai quốc gia.

Tại buổi làm việc, Đại sứ Marc E. Knapper đã gửi lời chúc mừng Thứ trưởng Thường trực Vũ Hải Quân nhân dịp đảm nhận cương vị mới, đồng thời khẳng định cam kết của Hoa Kỳ trong duy trì và phát triển các quan hệ đối tác về KH&CN với Việt Nam.

Đại sứ nhấn mạnh, Hoa Kỳ sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam trong triển khai các nhiệm vụ theo "bộ tứ trụ cột" Nghị quyết đột phá liên quan đến phát triển KH&CN, ĐMST&CĐS. Ông cũng cho biết các doanh nghiệp Hoa Kỳ có thể tham gia tích cực vào các lĩnh vực công nghệ ưu tiên được nêu trong Nghị quyết số 57-NQ/TW "Về đột phá phát triển KH&CN, ĐMST&CĐS quốc gia". Hoa Kỳ cũng đã thực hiện phân tích chi tiết về nội dung Nghị quyết này và sẵn sàng chia sẻ với Việt Nam.

Đại sứ Knapper đề xuất hợp tác với Việt Nam trong các lĩnh vực công nghệ mới nổi, bao gồm khai thác các khoáng sản thiết yếu, vật liệu mới, năng lượng hạt nhân và internet vệ tinh tầm thấp. Ngoài ra, hai bên có thể mở rộng hợp tác trong nghiên cứu vũ trụ, cũng như ứng dụng vệ tinh để hỗ trợ phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Về phía Việt Nam, Thứ trưởng Thường trực Bộ KH&CN Vũ Hải Quân bày tỏ sự đánh giá cao đối với cam kết của Hoa Kỳ và nhấn mạnh rằng Việt Nam đang nỗ lực hoàn thiện thể chế pháp lý về KH&CN, ĐMST&CĐS. Thứ trưởng đề nghị Chính phủ và doanh nghiệp Hoa Kỳ hỗ trợ Việt Nam trong xây dựng và hoàn thiện các khung pháp lý này.

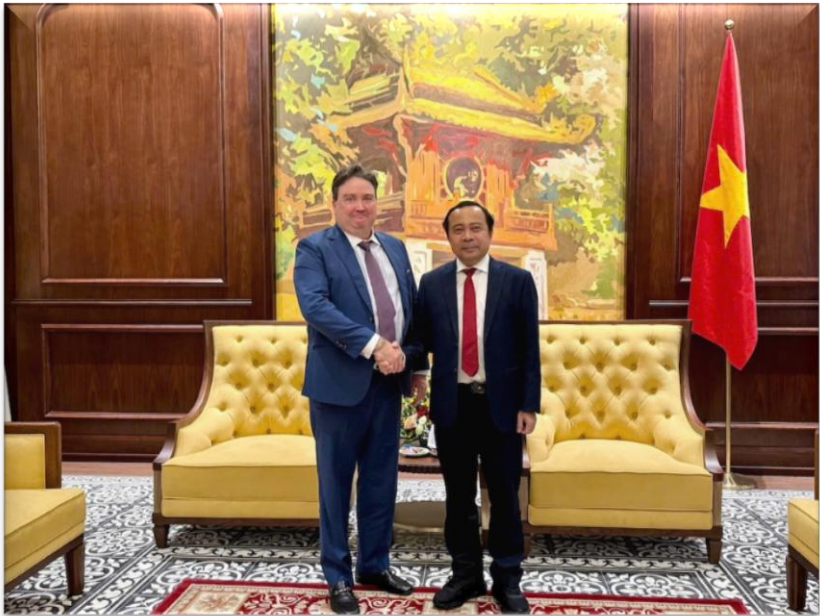
Thứ trưởng cho biết, Việt Nam đang tập trung phát triển các công nghệ chiến lược, đồng thời xây dựng các chính sách đầu tư nhằm tạo bước bứt phá cho doanh nghiệp trong nước cũng như thu hút các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Thứ trưởng nhấn

mạnh tâm quan trọng của việc hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao, được trang bị đầy đủ kỹ năng để thúc đẩy sự phát triển đột phá. Đồng thời, bày tỏ mong muốn Hoa Kỳ chia sẻ báo cáo phân tích về 11 công nghệ chiến lược mà phía Hoa Kỳ đã thực hiện.

Buổi làm việc kết thúc với sự đồng thuận từ cả hai bên về tiềm năng hợp tác sâu rộng hơn trong lĩnh vực

KHCN, ĐMST&CDS, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quan hệ đối tác Việt Nam - Hoa Kỳ. Thứ trưởng Vũ Hải Quân tin tưởng rằng sự hợp tác này sẽ mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai quốc gia, đồng thời góp phần vào sự thành công chung của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Nguồn <https://mst.gov.vn/>



Thứ trưởng Thường trực Bộ KH&CN Vũ Hải Quân và Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Marc E. Knapper

VIỆT NAM THỨC ĐẨY NGHIÊN CỨU BÁN DẪN VÀ AI TRONG TIẾN TRÌNH CHUYỂN ĐỔI CÔNG NGHỆ

Minh Thảo (Bài dịch)

Việt Nam đang đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển công nghệ bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI) như một phần trong chiến lược chuyển đổi số toàn diện và công nghệ xanh

Bộ Khoa học và Công nghệ đã đưa ra các sáng kiến then chốt nhằm tăng cường đổi mới sáng tạo quốc gia và năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Đột phá thể chế để thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Chương trình hành động để triển khai Nghị quyết 01 về phát triển kinh tế - xã hội và Nghị quyết 02 về cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia cho năm 2025. Chương trình tập trung vào bảy nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm.

Bộ coi cải cách thể chế là đột phá của mọi đột phá, cam kết sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điều này bao gồm việc cắt giảm thủ tục hành chính rườm rà và đơn giản hóa quy trình quản lý.

Trong nỗ lực này, Bộ đang xây dựng cơ chế thí điểm cho khoa học,

công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng thời cải cách các tổ chức nghiên cứu công lập để phát triển thị trường khoa học và công nghệ năng động, hiệu quả hơn.

Các chính sách mới sẽ được xây dựng phù hợp với cơ chế thị trường, đồng thời tính đến đặc thù của lao động sáng tạo. Chính sách cũng sẽ giải quyết vấn đề rủi ro và độ trễ thời gian trong nghiên cứu khoa học, đồng thời tiếp tục tinh giản thủ tục hành chính.

Đầu tư vào hạ tầng nghiên cứu và các lĩnh vực công nghệ cao

Bộ Khoa học và Công nghệ cam kết kỷ luật và minh bạch tài chính trong đầu tư cho khoa học và công nghệ. Nguồn vốn công sẽ được phân bổ để phát triển các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và cơ sở thử nghiệm tập trung vào công nghệ chiến lược.

Một cơ sở dữ liệu quốc gia toàn diện về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ được xây dựng, cùng với việc nâng cấp hạ tầng thông tin và thống kê.

Việt Nam cũng đang tăng cường tập trung vào nghiên cứu khoa học,

phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực bền vững, với mục tiêu thúc đẩy năng lượng sạch, chuyển đổi số và công nghệ xanh.

Đặc biệt, Bộ ưu tiên phát triển nghiên cứu và ứng dụng bán dẫn, AI, coi đây là những lĩnh vực then chốt cho hiện đại hóa công nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Cam kết cải thiện môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam thể hiện ở mục tiêu giữ vững vị trí trong Top 4 ASEAN về Chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu (GII) vào năm 2025.

Một trong bảy nhiệm vụ trọng tâm của Bộ là nâng cao nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ để củng cố

quốc phòng, chủ quyền và an ninh quốc gia.

Những nỗ lực này nhằm bảo đảm toàn vẹn lãnh thổ, ổn định chính trị và tự chủ công nghệ.

Để đạt được mục tiêu, Bộ sẽ mở rộng các chiến dịch tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về chính sách, thành tựu và nỗ lực đổi mới sáng tạo của Chính phủ. Các hoạt động này sẽ được triển khai qua báo chí, nền tảng số và mạng xã hội.

Bài dịch: Vietnam pushes for semiconductor and AI research as part of tech transformation.

Nguồn <https://vietnamnet.vn/>



Một sản phẩm ngành công nghiệp bán dẫn được trưng bày tại Ngày hội Đổi mới sáng tạo Việt Nam 2024 (Ảnh: Nguồn Internet)

BẢN QUYỀN TRONG KỶ NGUYÊN AI: AI LÀ TÁC GIẢ?

Thái Ngô

Trí tuệ nhân tạo (AI) không chỉ còn là công cụ hỗ trợ con người mà đang dần trở thành “đồng tác giả” trong nhiều lĩnh vực sáng tạo – từ âm nhạc, hội họa, văn chương cho đến lập trình. Một bức tranh được vẽ bằng thuật toán, một bài thơ được viết bởi ChatGPT, hay một bản nhạc được tạo ra từ vài dòng mô tả – tất cả đã đặt ra câu hỏi pháp lý chưa từng có: Ai là tác giả thật sự của các tác phẩm do AI tạo ra? Phạm vi pháp lý đang đối mặt với một thách thức lớn nhất trong nhiều thập kỷ: làm thế nào để luật bản quyền truyền thống có thể áp dụng cho các tác phẩm được tạo ra bởi Trí tuệ Nhân tạo. Câu hỏi then chốt không chỉ là ai sở hữu tác phẩm, mà còn là liệu AI có thể được coi là “tác giả” theo định nghĩa của pháp luật.



Ảnh minh họa (Nguồn internet)

Theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm 2022), “tác giả” là người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm bằng lao động trí tuệ của mình. Tương tự, các công ước quốc tế như Công ước

Berne hay Hiệp ước WIPO về Bản quyền (WCT) cũng xác định tác giả phải là thực thể con người.

Luật bản quyền toàn cầu, được củng cố bởi các công ước quốc tế như

Berne, dựa trên một nguyên tắc cốt lõi: bản quyền được trao cho người sáng tạo là con người. Yêu cầu này đòi hỏi sự tồn tại của "lao động trí tuệ" và "tính độc đáo cá nhân" (originality) – những yếu tố chỉ có thể được thể hiện qua ý chí và sự sáng tạo của con người.

Do đó, AI không thể là “tác giả” theo nghĩa pháp lý hiện hành, vì nó không có ý chí, cảm xúc hay tư duy độc lập. Tuy nhiên, vấn đề không dừng lại ở đó: nếu AI không phải là tác giả, thì ai sở hữu bản quyền đối với những gì AI tạo ra?

Hiện nay, ba quan điểm nổi bật về “tác giả” trong kỷ nguyên AI

(1) Tác giả là con người sử dụng AI như công cụ sáng tạo: Đây là quan điểm phổ biến hiện nay. Người nhập dữ liệu, đưa ra ý tưởng, chỉnh sửa và định hướng cho AI được xem là tác giả hoặc đồng tác giả. Ví dụ, một nhà thiết kế sử dụng AI để tạo ra 100 mẫu logo, nhưng lựa chọn, chỉnh sửa và hoàn thiện một bản duy nhất – thì quyền tác giả thuộc về người đó.

(2) Tác giả là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu, lập trình AI: Một số ý kiến cho rằng chủ sở hữu hệ thống AI (như công ty phát triển phần mềm) có thể là người thụ hưởng bản quyền, vì họ tạo ra công cụ có khả năng sáng tạo. Tuy nhiên, cách tiếp cận này gặp khó khi AI hoạt động ngoài ý muốn lập trình viên hoặc tự học vượt kiểm soát.

(3) Tác phẩm do AI tạo ra không được bảo hộ bản quyền: Một hướng

tiếp cận khác là từ chối bảo hộ hoàn toàn cho sản phẩm do AI tạo ra, coi đó là “sản phẩm không có tác giả”. Cách làm này đang được một số cơ quan đăng ký bản quyền, như Văn phòng Bản quyền Hoa Kỳ (USCO), áp dụng. Ví dụ nổi tiếng là vụ “Zarya of the Dawn”, trong đó các hình ảnh minh họa do AI Midjourney tạo ra không được bảo hộ, dù truyện tranh tổng thể do con người biên tập vẫn được chấp nhận.

Thực tiễn quốc tế: Các nước đang làm gì?

- Hoa Kỳ: USCO khẳng định chỉ bảo hộ phần tác phẩm “có yếu tố sáng tạo của con người”.

- Anh và Singapore: Luật cho phép công nhận “người tạo điều kiện để máy tính tạo ra tác phẩm” là tác giả – một cách tiếp cận linh hoạt hơn.

- Liên minh Châu Âu (EU): Đang xây dựng khung pháp lý về AI Act, tập trung vào trách nhiệm, đạo đức và minh bạch trong việc sử dụng AI sáng tạo.

- Trung Quốc và Nhật Bản: Khuyến khích sáng tạo bằng AI nhưng vẫn yêu cầu yếu tố đóng góp con người để được bảo hộ.

Hiện nay, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về tác phẩm do AI tạo ra, dẫn đến sự lúng túng trong đăng ký và bảo vệ quyền. Trong thực tiễn, Cục Bản quyền tác giả thường yêu cầu chứng minh vai trò sáng tạo của con người. Tuy nhiên, khi AI ngày càng

tham gia sâu vào quá trình sáng tác, ranh giới này trở nên mờ nhạt.

Việc xây dựng hướng dẫn hoặc sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ đề cập nhật vấn đề “tác phẩm do AI tạo ra” là yêu cầu tất yếu – nhằm bảo đảm cân bằng giữa khuyến khích đổi mới sáng tạo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của con người.

AI đang mở ra một kỷ nguyên sáng tạo chưa từng có, nhưng cũng đặt ra những câu hỏi pháp lý sâu sắc về quyền sở hữu trí tuệ. Dù máy móc có thể mô phỏng tư duy, sáng tạo và cảm xúc, nhưng chính con người – với ý

chí, cảm nhận và trách nhiệm pháp lý – vẫn là trung tâm của bản quyền.

Kỷ nguyên AI không chỉ là một cuộc cách mạng công nghệ mà còn là một cuộc khủng hoảng danh tính pháp lý. Chừng nào luật pháp còn kiên định rằng chỉ con người mới có thể là tác giả, các nhà sáng tạo sẽ phải chứng minh rằng bàn tay và trí tuệ của họ, chứ không phải chỉ thuật toán, là nguồn gốc của sự sáng tạo.

Tương lai có thể chứng kiến sự thay đổi trong định nghĩa “tác giả”, nhưng dù thế nào đi nữa, bản quyền vẫn phải phục vụ mục tiêu bảo vệ và khuyến khích sáng tạo nhân loại. •

HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Các bài viết được chọn lọc từ các nguồn và Website của
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng
Mọi góp ý xin gửi về:

Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng

Trụ sở chính: Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Cơ sở 1: 341 Võ Văn Kiệt, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng

Cơ sở 2: Đường Tô Hiến Thành, phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0263 3833163 - 0263 3833155

Email: thongtinkhcnlamdong@gmail.com

Website: <https://skhcn.lamdong.gov.vn/>